



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2
0
1
8



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHTN	Bao hiểm tai nạn
BKS	Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
Công ty	Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu
HDQT	Hội đồng quản trị
BGD	Ban giám đốc
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TGD	Tổng Giám đốc
BCTC	Báo cáo tài chính

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị	
A. TỔNG QUAN CÔNG TY	8
Thông tin chung	
Quá trình hình thành và phát triển	
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	
Giới thiệu Ban lãnh đạo	
Định hướng phát triển	
B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018	28
Tổng quan kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018	
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	
Tổ chức và nhân sự	
Tình hình tài chính	
Cổ phần, cổ đông và cổ phiếu Á Châu	
C. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	40
Đánh giá tổng quan kết quả kinh doanh 2018	
Phân tích kết quả kinh doanh năm 2018	
Tình hình tài chính	
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	
D. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	52
Đánh giá chung về nền kinh tế và ngành	
Đánh giá mọi mặt hoạt động của Công ty	
Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc	
Kế hoạch năm 2019	
E. QUẢN TRỊ CÔNG TY	60
Hội đồng quản trị	
Ban kiểm soát	
Giao dịch và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc	
F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	68
Mục tiêu phát triển bền vững	
Chỉ tiêu phát triển bền vững	
G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	76



THÔNG DIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“Chúng tôi, Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị sẽ không ngừng phấn đấu và phát triển doanh nghiệp, trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực khai thác, chế biến, và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản.”

Kính thưa Quý cổ đông,

Năm 2018 chứng kiến sự phục hồi thiếu đồng đều lẫn chắc chắn của kinh tế thế giới, sự tăng trưởng này diễn ra không đồng đều giữa các nhóm và thậm chí giữa các nước trong cùng nhóm. Nền kinh tế Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan từ thị trường thế giới dẫn đến những biến động khó lường như: giá nguyên liệu, giá năng lượng hay tỷ giá, những nhân tố này có khả năng làm cho nền kinh tế biến động và ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty.

Năm 2018 theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2018 ước tính đạt 7.08%, cao hơn mức kế hoạch đề ra từ 6.5% đến 6.7% và cao hơn GDP cả năm 2017 là 6.81%. Dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và của ngành công nghiệp khai thác chế biến khoáng sản nói riêng vẫn sẽ có dư địa phát triển trong tương lai, đặc biệt với những doanh nghiệp có mảng khai thác, chế biến khoáng sản chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu. Vì vậy, Công ty phải luôn giữ tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với các rủi ro trong nền kinh tế trong và ngoài nước.

Nhận thức sâu sắc tình thế hiện tại cùng viễn cảnh tương lai, đối mặt với nhiều khó khăn và biến động khó lường của nền kinh tế toàn cầu, Ban lãnh đạo Công ty đã có những điều hướng chiến lược thực tế, có những kế hoạch kịp thời và linh hoạt để tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn phát triển theo kế hoạch dài hạn đã đề ra. Trong năm 2018, chỉ số lợi

nhuận vẫn có được sự tăng trưởng so kế hoạch đề ra, cụ thể lợi nhuận sau thuế tăng khoảng 10% so với kế hoạch và tăng 3% so với cả năm 2017.

Với phương châm kinh doanh: “CHẤT LƯỢNG THAY LỜI NÓI”, Công ty không ngừng chú trọng, phát huy có hiệu quả: chất lượng sản phẩm được duy trì tốt theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008, khẳng định được thương hiệu và uy tín đến khách hàng. Trong năm, Công ty phát huy hiệu quả khai thác tại mỏ Châu Quang nhằm đảm bảo cung cấp kịp thời nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, phát huy tốt hoạt động vận chuyển của đội xe giao hàng cho đối tác khách hàng.

Năm 2019, dự báo tình hình thị trường tiếp tục có những biến động lớn mang thiên hướng bất lợi cho việc sản xuất và kinh doanh của Công ty. Tính đến thời điểm hiện tại, giá vận tải biển đã tăng bằng 1/3 lợi nhuận bình quân trên một tấn sản phẩm bột đá của Công ty. Giá xăng dầu, điện năng cũng có xu hướng tăng, dự kiến giá điện sẽ tăng 8,36%. Những năm gần đây, chính sách thuế, phí của Nhà nước rất bấp bênh, liên tục có những thay đổi cho thấy ngày càng thắt chặt việc quản lý đối với hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm gia tăng thuế, phí, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh. Thị trường trong nước cũng đối mặt với cạnh tranh khốc liệt, tỷ lệ đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước tăng cao, áp lực từ thị trường, áp lực từ giá cả ít nhiều sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Từ những nhận định rõ nét về thị trường cạnh tranh gay gắt, Ban lãnh đạo Công ty có những thay đổi trong hoạch định chiến lược phát triển, nhằm khắc phục những khó khăn và chủ động cạnh tranh trên thị trường. Với kinh nghiệm điều hành và quyết tâm cao, Khoáng sản Á Châu nói chung và ban điều hành nói riêng sẽ phấn đấu để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý cổ đông dành cho chúng tôi.

Chất Lượng Sản Phẩm Thay Lời Nói

Thay mặt hội đồng cổ đông, tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới Quý cổ đông, Quý cơ quan quản lý nhà nước, các Quý đối tác và sự tận tâm nỗ lực của toàn thể Ban giám đốc điều hành và toàn thể CBCNV toàn Công ty đã đoàn kết, đồng lòng để Khoáng Sản Á Châu có thể đạt được những kết quả khả quan trong năm 2018, tạo tiền đề để phát triển trong năm 2019 và những năm tiếp theo. Hãy cùng chúng tôi đồng hành và vững bước trong tương lai, đạt được nhiều thành công mới!

Thay mặt HĐQT
Chủ tịch HĐQT

TẦM NHÌN

Hơn một thập kỷ qua, các thế hệ cán bộ, nhân viên, lao động Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu đã không ngừng nỗ lực phấn đấu và phát triển doanh nghiệp, theo đuổi tầm nhìn xuyên suốt:

- » Trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản.
- » Tận dụng hết các lợi thế về tài chính về mỏ đá trắng, mặt bằng kinh doanh, nhà xưởng và nguồn nhân lực hiện có.
- » Hợp tác chặt chẽ với các Công ty kinh doanh cùng ngành.

Ông Đinh Xuân Tự
Chủ tịch HĐQT



Đối với Cổ đông và Nhà đầu tư: Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp; Minh bạch thông tin, đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư, tăng cường cơ hội đối thoại với cổ đông; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, giá trị thị trường của cổ phiếu và giá trị doanh nghiệp.

Đối với Khách hàng: Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao mang tính ổn định và lâu dài, lắng nghe và luôn củng cố năng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

SỨ MỆNH CỦA CHÚNG TÔI Đối với đối tác kinh doanh: Duy trì mối quan hệ lâu dài và bền vững với đối tác trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích và quyền lợi của các bên, nhằm tạo ra những sản phẩm có lợi ích tốt nhất cho xã hội và các bên tham gia.

Đối với Cộng đồng xã hội: Hành động và luôn đồng hành cùng các hoạt động thiết thực với xã hội với mong muốn nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Đối với Nhân viên: Những đóng góp của nhân viên được ghi nhận và trân trọng; Xây dựng môi trường làm việc tốt, tăng cường sự gắn kết của người lao động.



TỔNG QUAN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Thông tin chung

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Quá trình hình thành và phát triển

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Giới thiệu ban lãnh đạo

Định hướng phát triển

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

2001:

Thành lập

Xí nghiệp Khai khoáng (Khai thác mỏ đá trắng) được thành lập là tiền thân của Công ty Cổ phần khoáng sản Á Châu, thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế (Quận khu 4, Bộ Quốc phòng)

2007:

Thành lập

Công ty Cổ phần khoáng sản Á Châu, vốn điều lệ: 28.5 tỉ đồng

Công ty Hợp tác kinh tế xây dựng Nhà máy sản xuất bột đá trắng siêu mịn, và cùng một số thành viên khác thực hiện liên kết và sáng lập ra Công ty Cổ phần khoáng sản Á Châu. Công ty chính thức đi vào hoạt động ngày 28/12/2007 theo mô hình Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001715

2010:


Đăng ký trở thành Công ty đại chúng

2012:

Đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Tên viết tắt:	AMC
Tên tiếng anh:	Asia Mineral Join Stock Company
Giấy phép ĐKKD:	Số 2703001715 cấp ngày 28/12/2007 tại Sở Kế hoạch Nghệ An
Vốn điều lệ:	28,5 Tỷ đồng
Trụ sở chính:	Lô 32- Khu C- Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Số điện thoại:	+84 238 3791 777
Số Fax:	+84 238 379 555
Website:	http://www.amcvina.vn/
Mã cổ phiếu:	AMC
Logo:	

NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty Cổ phần khoáng sản Á Châu là doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực khai thác, chế biến và kinh doanh sản phẩm bột đá vôi siêu mịn (CaCO₃). Sản phẩm CaCO₃ siêu mịn có tráng phủ và không tráng phủ của AMC được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp như sản xuất sơn, nhựa, giấy cao cấp, cao su, kính, gốm sứ, đá marble nhân tạo, thức ăn chăn nuôi, mỹ phẩm, dược phẩm, bột trét tường... và được khách hàng công nhận là lựa chọn tốt nhất của họ.



» Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng kim loại);



» Sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng mịn, siêu mịn và các loại khoáng sản khác;

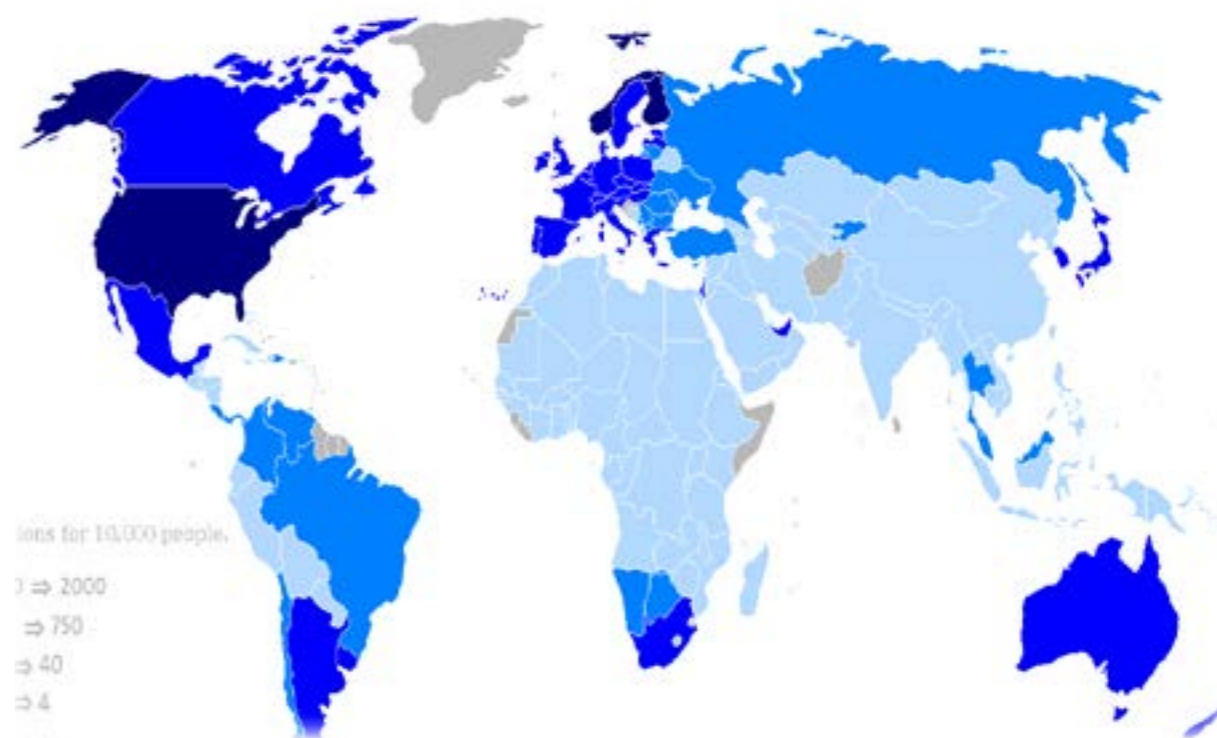


» Cung cấp dịch vụ vận tải bằng đường bộ



» Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa mua bán sản phẩm bột đá trắng mịn, siêu mịn và các loại khoáng sản khác.

ĐỊA BÀN KINH DOANH



Hoạt động khai thác của Công ty diễn ra tại huyện Quỳnh Hợp - Nghệ An (là 01 trong 02 địa phương có trữ lượng đá hoa trắng lớn nhất nước), Công ty sở hữu 02 mỏ đá vôi trắng có chất lượng tốt nhất Việt Nam, với tổng diện tích hơn 45 hecta và trữ lượng hơn 30 triệu tấn. Trụ sở và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Nam Cẩm, cách cảng Cửa Lò chỉ 5km, thuận tiện và tiết giảm chi phí vận chuyển, gần nguồn khai thác nguyên liệu.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm:

Thị trường kinh doanh của Công ty trong nước chủ yếu ở miền Bắc, miền Nam và miền Đông Nam Bộ. Thị trường này đem đến khoảng 80% doanh thu cho Công ty.

Trong nước:

- | | | |
|-------------|--------------|------------------|
| » Hà Nội | » Bình Dương | » Hưng Yên |
| » Hà Nam | » Long An | » Hải Dương |
| » Hải Phòng | » Bình Phước | » Tp Hồ Chí Minh |
| » Nghệ An | » An Giang | » Đồng Nai |

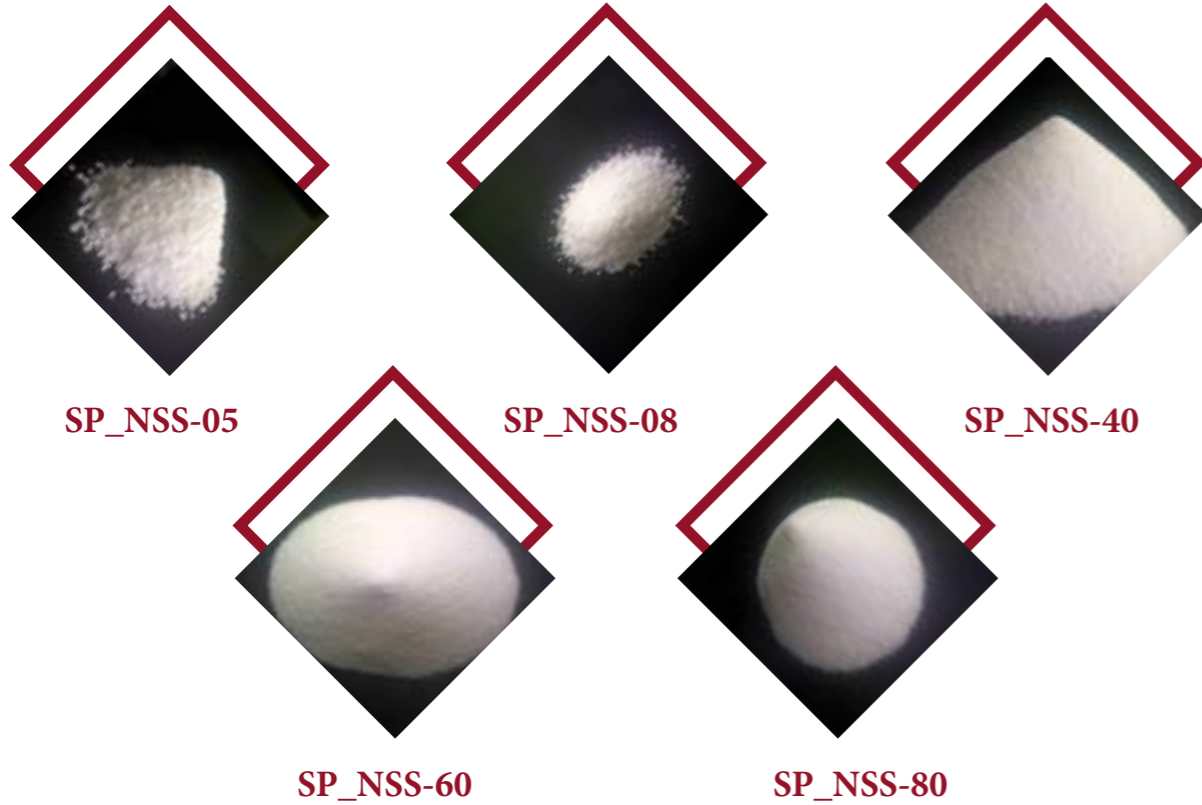
Nước ngoài:

- | | | |
|----------------|----------------|------------|
| » Hồng Kong | » Ấn Độ | » Bruney |
| » Trung Quốc | » Băng La | » Hàn Quốc |
| » Sri- Lan- Ka | » Đét Thái Lan | » Nhật Bản |

SẢN PHẨM KINH DOANH CHÍNH

Các sản phẩm Công ty hiện sản xuất và kinh doanh chính gồm có:

- » Đá vôi trắng (đá học) dạng thô kích thước 100 -400mm
- » Bột không tráng phủ và có tráng phủ kích thước từ 5 đến 30 μm
- » Hoặc các sản phẩm theo yêu cầu



Đặc tính đá vôi (CaCO_3) có tính chất không cứng, không bền như các loại đá khác nên không thể ứng dụng được trong xây dựng và điêu khắc. Tuy nhiên, do tỉ lệ canxi trong đá cao nên đá vôi được khai thác, trải qua quá trình sản xuất cho ra bột đá trắng siêu mịn với vai trò là thành phần phụ gia, nguyên liệu, chất độn, nhằm mục tiêu tăng cường một số đặc tính cần thiết cho sản phẩm cũng như hạ giá thành sản phẩm cuối cùng.

NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ SẢN PHẨM BỘT ĐÁ TRẮNG SIÊU MỊN

CÁC THÀNH PHẦN HÓA HỌC		CÁC ĐẶC TÍNH VẬT LÝ	
Hàm lượng CaCO_3	98.98%	Độ sáng	$\geq 96\%$
Hàm lượng MgCO_3	$\leq 0.21\%$	Độ trắng	$\geq 97\%$
Hàm lượng Fe_2O_3	$\leq 0.02\%$	Độ ẩm	$\leq 0.2\%$
Hàm lượng Al_2O_3	$\leq 0.03\%$	Khối lượng riêng (đá nguyên liệu)	2.7g/cm ³
Hàm lượng SiO_2	$\leq 0.12\%$	Độ thấm dầu (cỡ hạt mịn nhất)	$\geq 24\text{g}/100\text{g}$ of CaCO_3
Hàm lượng Na_2O	$\leq 0.05\%$	Tỷ lệ hao hụt khi đốt cháy	$\leq 43.08\%$

ỨNG DỤNG CỦA BỘT ĐÁ VÔI



CHẤT
ĐỘN
HẠT
NHỰA

N
H
Ự
A

SƠN



CAO SU

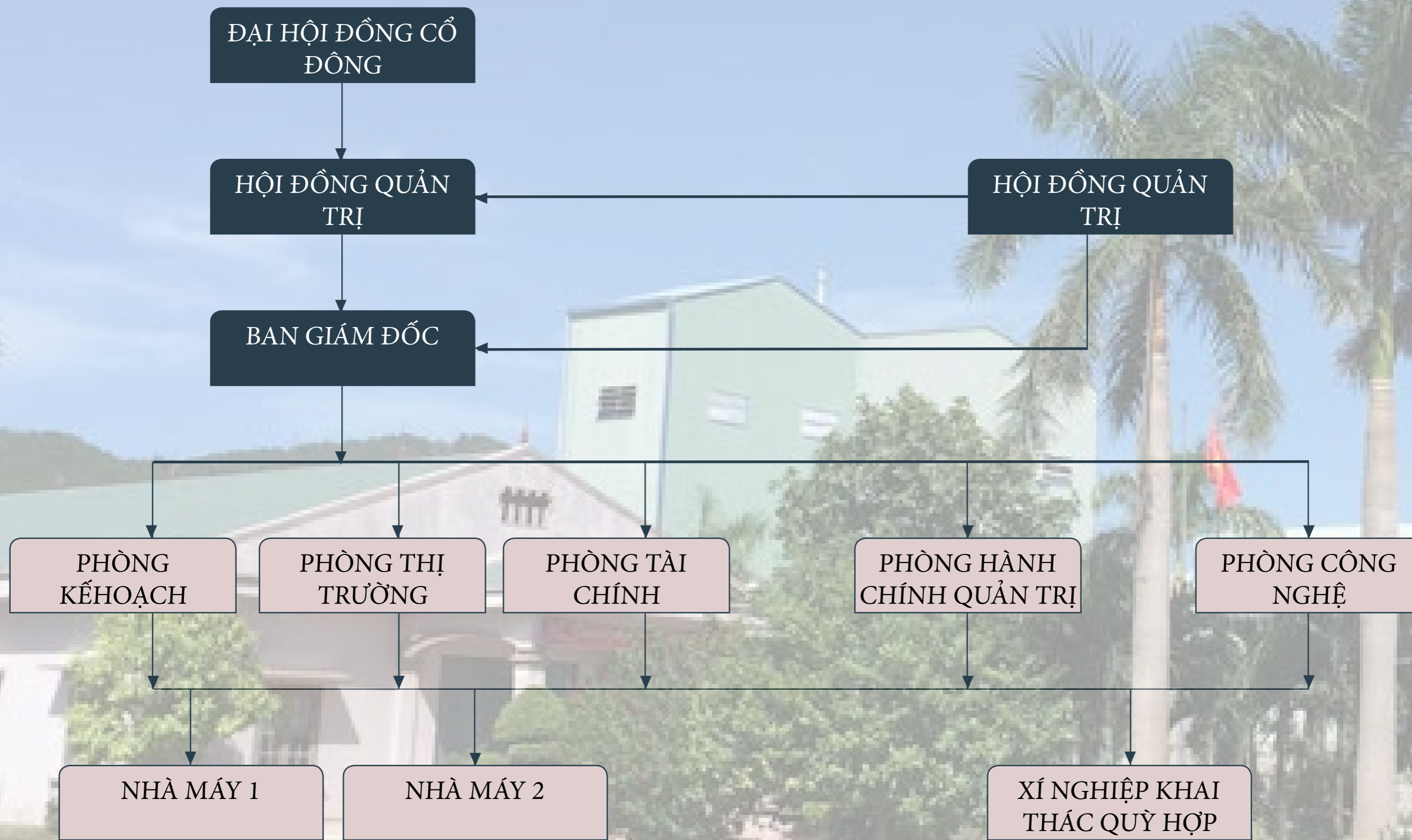
Ố
N
G

P



V
C

TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông ĐINH XUÂN TỰ
Chủ tịch HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 20/03/1970
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

- » 1999-2000: Phó Giám đốc PX1-X47- Cục kỹ thuật-QK4
- » 2001-2002: Q. Giám đốc Xưởng SC Viêng Chăn- Công ty Hợp tác kinh tế
- » 2002-2005: Phó Giám đốc Xưởng SC Viêng Chăn- Công ty Hợp tác kinh tế
- » 2005-2007: Giám đốc Xưởng SC Viêng Chăn- Công ty Hợp tác kinh tế
- » 2007-2011: Trợ lý sửa chữa phòng CNKT- Công ty Hợp tác kinh tế
- » 2011-2015: Phó phòng CNKT- Công ty Hợp tác kinh tế
- » 2015- nay: Trưởng phòng CNKT- Công ty Hợp tác kinh tế

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 14/03/2018 (%): 0.28%



Ông LÊ ĐÌNH HÙNG
Thành viên HĐQT
Kiêm Giám Đốc điều hành

Ngày tháng năm sinh: 20/7/1971
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư lâm nghiệp

Quá trình công tác:

- 1995-2003: Công ty HTKTQK4
- 1993-2005: Phó chỉ huy trưởng, Công trường 4B- Công ty HTKTQK4
- 2005-2006: Đội trưởng, Đội Lâm Sinh- Công ty HTKTQK4
- 2006-2013: Trưởng TB KH, BDA gỗ Lòng hồ Xekhanman 1- TCT HTKT
- 2013-2015: Phó ban thường trực, BDA gỗ Lòng hồ Xekhanman 1- TCT HTKT
- 2016- 09/2018: Chủ tịch HĐQT, Công ty CP Sông Đà- Trường Sơn
- 09/2018 – nay: Giám đốc, TV HĐQT Công ty CP Khoáng sản Á Châu

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 31/08/2018 (%): 0.18%



Ông NGUYỄN TRUNG THÀNH
Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 17/04/1981
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- » 2004-2006: Nhân viên kế toán - Công ty XD&PT hạ tầng, Bộ NN&PTnt
- » 2007- nay: Trưởng phòng Kế hoạch - Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 12/03/2018 (%): 0.18%



Bà NGUYỄN THỊ NGÂN
Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 03/02/1966
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- » 1984-2008: Văn thư bảo mật - Lữ đoàn 283 – QK\$
- » Hiện nay: Chánh văn phòng Công ty CPXD T. Mại 727

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 12/03/2018 (%): 3.37%



Ông LÊ VĂN CHIẾN
Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 28/05/1976
Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

- » 2000-2004: Cán bộ kinh doanh - Công ty TNHH Nhất Vinh
- » 2004-2007: Giám đốc - Công ty TNHH Trọng Tín
- » 2007-2012: Trợ lý kinh doanh - Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu
- » 2012- nay: Trưởng phòng kinh doanh - Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 12/03/2018 (%): 0.14%

BAN KIỂM SOÁT



Ông TRẦN MINH HƯNG
Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

- » 2002 – 2003: Nhân viên Ban quản lý đội gỗ Nậm Tạc – Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế.
- » 2004: Kế toán đội Xây dựng phòng Cơ sở - Công ty Hợp tác Kinh tế.
- » 2005 – 2006: Phòng Thị trường – Công ty Phát triển Khoáng sản thuộc Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế.
- » 2006 – 2017: Kế toán Đội gỗ Bắc Lào – Công ty Hợp tác Kinh tế.
- » 2017 – nay: Trưởng ban kiểm soát - Công ty Khoáng sản Á Châu

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 12/03/2018 (%): 0%



Ông NGUYỄN THÀNH HƯNG
Ủy viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 26/10/1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

- » 2002-2007: Cán bộ kỹ thuật, Công ty Hợp tác Quốc tế
- » 2008- nay: Trưởng phòng Công nghệ kỹ thuật, Công ty CP Khoáng sản Á Châu

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 12/03/2018 (%): 0.35%



Bà PHẠM THỊ HỒNG THÁI
Ủy viên Ban Kiểm soát
Kiềm Kế toán Trưởng

Ngày tháng năm sinh:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- » 1999-2006: Kế toán, Công ty CP Nhựa – Bao bì Vinh.
- » 2006-2017 : Kế toán trưởng, Công ty CP Nhựa – Bao bì Vinh.
- » 2017 – nay: Trưởng phòng Kế hoạch, Công ty CP Nhựa – Bao bì Vinh

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 12/03/2018 (%): 0%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN_ SWOT

ĐIỂM MẠNH

• Chủ động nguồn nguyên liệu:

Công ty hiện nay được cấp quyền khai thác 02 mỏ đá vôi trắng có chất lượng tốt nhất Việt Nam ở huyện Quỳnh Hợp - Nghệ An (là 01 trong 02 địa phương có trữ lượng đá hoa trắng lớn nhất nước), với tổng diện tích hơn 45 hecta và tổng trữ lượng khai thác trên hơn 30 triệu tấn. Cùng với giấy phép khai thác lên đến 30 năm; trong tương lai gần, Công ty không phải lo về trữ lượng nguyên liệu đầu vào và những biến động về tỷ giá thành nguyên liệu so với các công ty khác cùng ngành.

Hơn nữa, trụ sở và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Nam Cẩm, cách cảng Cửa Lò chỉ 5km, điều này giúp Công ty thuận tiện khi vận chuyển nguyên vật liệu từ nguồn khai thác, đồng thời tiết giảm các chi phí liên quan.

• Năng lực sản xuất và chiến lược phát triển:

Công ty liên tục đầu tư vào dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao công tác quản lý và năng suất lao động, nâng công suất toàn bộ Công ty, đáp ứng nhu cầu ngày càng nhiều của thị trường. Hiện nay, khoáng sản Á Châu sở hữu những dây chuyền đồng bộ, hiện đại trong lĩnh vực sản xuất bột đá siêu mịn CaCo₃ nhằm đảm bảo chất lượng ngày càng cao. Ngoài 02 dây chuyền nghiền bột đá siêu mịn của hãng HOSOKAWA ALPINE - Cộng Hoà Liên Bang Đức; 01 dây chuyền nghiền hạt của Italia; trong năm 2019, Công ty còn có kế hoạch đầu tư thêm một dây chuyền nghiền bột đá siêu mịn công suất 45.000 tấn/năm nhằm tăng năng lực sản xuất phục vụ nhu cầu ngày càng lớn của thị trường.

ĐIỂM YẾU

• Kế hoạch mở rộng thị phần còn chậm và chưa hiệu quả:

Tốc độ tăng trưởng, phát triển của Công ty qua các

năm gần đây chỉ duy trì ở mức ổn định, chưa cao so với các công ty cùng ngành mà có các điều kiện tương đồng. Trong 4 năm trở lại từ 2015 đến 2017, Công ty vẫn còn bảo lưu kế hoạch đầu tư đã phê duyệt, chậm trễ trong quá trình phát triển và đầu tư.

CƠ HỘI

• Tăng trưởng xuất khẩu được kì vọng cao:

Trong thời gian tới, với việc nhiều hiệp định quốc tế song và đa phương được kí kết bao gồm hiệp định đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực RCEP, Hiệp hội thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu EVFTA,...) sẽ giúp AMC mở rộng thị trường nội địa và xuất khẩu sang Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc... Tăng trưởng xuất khẩu được dự kiến sẽ tăng trong những năm tới, cũng là động lực để phát triển ngành khoáng sản Việt Nam. Trong năm 2018, theo Tổng cục Thống Kê, nhóm ngành hàng công nghiệp nặng và khoáng sản ước tính đạt 123,7 tỷ USD, tăng 15,9% so với năm trước; chiếm 50,5% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu (tăng 0,9 điểm phần trăm so với năm 2017)

THÁCH THỨC

• Rủi ro cạnh tranh:

Với mức biên lợi nhuận cao và khả năng phát triển của ngành phụ gia cho hạt nhựa, giấy, sơn,... tăng cao; trong vài năm gần đây, số lượng doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất đá vôi bột mịn CaCO₃ tăng lên. Hiện nay, tính riêng trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp, đã có đến 35 doanh nghiệp được cấp phép khai thác đá bao gồm các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Con số này đủ thấy thị trường áp lực cạnh tranh cao, ngay trong chính thị trường trong nước. Bên cạnh đó, các nước như Trung Quốc, Malaysia cũng đang cạnh tranh thị phần với doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực xuất khẩu ra nước ngoài.

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

»» ĐỊNH HƯỚNG CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- » Khai thác, chế biến khoáng sản là ngành kinh doanh trọng yếu, chủ lực là điều kiện để tích lũy và phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác.
- » Sản xuất, chế biến thành phẩm từ khoáng sản tự khai thác, bằng công nghệ hiện đại, để tận dụng hết các lợi thế về tài chính, về mỏ đá trắng, mặt bằng kinh doanh, nhà xưởng và nguồn nhân lực hiện có của Công ty.
- » Tích cực tìm kiếm thị trường tiêu thụ mới đối với sản phẩm bột đá trắng mịn và siêu mịn để nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo thế ổn định và phát triển cho Công ty.
- » Tiếp tục nghiên cứu liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước để tìm kiếm dự án sản phẩm khác nhằm thực hiện đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở phát huy ưu thế của Công ty trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản.

»» ĐỊNH HƯỚNG CHI TIẾT

- » Khai thác, chế biến khoáng sản là lĩnh vực chủ lực, là cốt lõi của Công ty, đồng thời tiếp tục chiến lược đầu tư sang một số lĩnh vực sản xuất khác.
- » Duy trì và củng cố đầu tư, khai thác các mỏ hiện có, tìm kiếm, thăm dò phát triển khai thác các vùng mỏ nguyên liệu trong và ngoài tỉnh nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lâu dài của Công ty. Công tác này cũng góp phần phục vụ phát triển các sản phẩm mới kể cả việc xây dựng thêm các nhà máy khác.
- » Tiếp tục đầu tư chiều sâu cho các nhà máy sản xuất về đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản, ... bảo vệ môi trường, để đảm bảo ổn định sản phẩm cung ứng, là cơ sở để mở rộng thị trường tiêu thụ.
- » Duy trì vị thế doanh nghiệp trên thị trường; Công ty sẵn sàng hợp tác, liên doanh, liên kết với các đối tác, các khách hàng để hiện thực hóa chiến lược hoạt động SXKD có hiệu quả.

»» ĐỊNH HƯỚNG VỀ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- » Tuân thủ quy trình khai thác, tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các mỏ khai khoáng và vùng lân cận.
- » Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh trong các nhà máy. Kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo cam kết.
- » Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động tại Công ty.
- » Quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân, những trường hợp khó khăn trong địa bàn nơi Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của Công ty.

CÁC RỦI RO VÀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ RỦI RO

RỦI RO PHÁP LUẬT

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động SXKD của các doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, vì vậy hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng đồng thời bởi nhiều bộ Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành như: Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Khoáng sản, Luật môi trường, và các văn bản luật có liên quan. Hiện các luật trên đang trong quá trình hoàn thiện nên bất kỳ sự thay đổi nào cũng sẽ có thể ảnh hưởng đến chính sách và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đặc biệt, Công ty khoáng sản Á Châu là doanh nghiệp có hoạt động SXKD nằm trong Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện, do đó

Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010, các nghị định và thông tư hướng dẫn, thi hành Luật Khoáng sản khác có liên quan. Trong đó phải kể đến những quy định về hạn chế hay khuyến khích khai thác khoáng sản (bao gồm thuế xuất khẩu; phí, thuế tài nguyên và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Thông tư 44/2017 của Bộ Tài chính) có ảnh hưởng rất lớn đến doanh nghiệp nói riêng và toàn ngành nói chung trong giai đoạn này.

Giải pháp:

Để hạn chế những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng công tác theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty để đảm bảo quá trình hoạt động SXKD của Công ty được diễn ra liên tục và không bị gián đoạn.

RỦI RO KINH TẾ

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu. Các rủi ro hình thành từ biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô chính như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái....

Năm 2019, kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi nhưng chưa thực sự ổn định. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm 2018 tăng 7.08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 cho đến nay. Lãi suất huy động và tỷ giá hối đoái trong năm tương đối ổn định, lạm phát được kiểm chế ở dưới mức 4%.

Giải pháp:

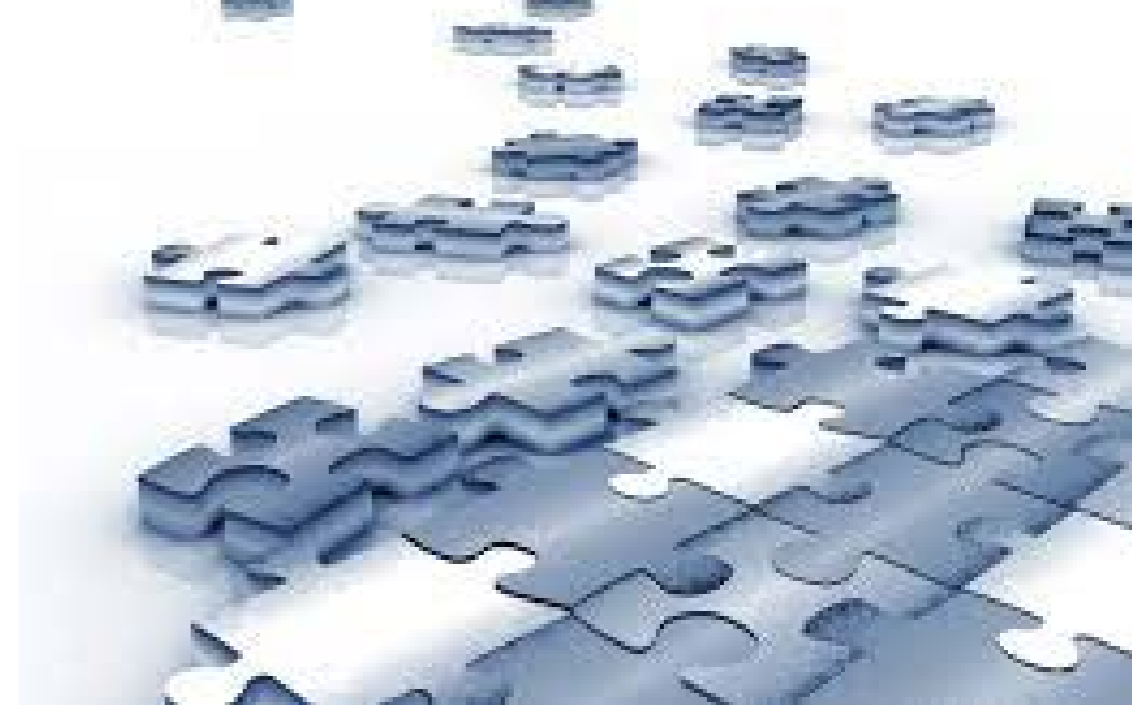
Công ty luôn theo sát những chuyển biến của nền kinh tế Thế giới và Việt Nam để có thể kịp thời ứng phó với rủi ro.

RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ

Hiện nay, khoảng 20% doanh thu của Công ty đến từ hoạt động xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa sang Ấn Độ, Hàn Quốc, Trung Quốc,.... Thị trường tiêu thụ đá trắng của doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng nếu các quốc gia tiêu thụ có sự thay đổi về chính sách nhập khẩu và nhu cầu sử dụng sản phẩm.

Giải pháp:

Công ty khoáng sản Á Châu đã và đang có chiến lược đa dạng hóa thị trường tiêu thụ và chủ động hơn trong việc kiểm soát kỳ hạn các hợp đồng ký kết. Chú trọng xây dựng hoạch định chiến lược, hoạt động kinh doanh linh hoạt để Công ty có thể tồn tại và phát triển trước áp lực cạnh tranh cao trên thị trường hiện nay



CÁC RỦI RO & PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ RỦI RO (Tiếp Theo)

RỦI RO VỀ CẤP PHÉP KHAI THÁC MỎ RỦI RO TỪ CÔNG TÁC ĐỊA CHẤN:

Vì khoáng sản là tài nguyên quốc gia nên Luật Khoáng sản đưa ra những quy định nhằm quản lý chặt chẽ việc khai thác và chế biến khoáng sản để tránh lãng phí, tăng hiệu quả khai thác, chế biến và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, những quy định này đôi khi cũng gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Những yêu cầu về công nghệ khai thác rất nghiêm ngặt hơn nữa nếu trong trường hợp không được cấp phép khai thác, doanh nghiệp sẽ bị lỗ một khoản chi phí rất lớn đến từ công tác làm địa chấn và chi phí đầu tư ban đầu.

Để có thể đánh giá hoặc đưa ra một con số dự báo về trữ lượng và hàm lượng bình quân mà mỗi mỏ mang lại thì nhà đầu tư phải bỏ ra rất nhiều tỷ đồng để làm công tác địa chấn, mức độ dự báo càng chính xác thì chi phí càng lớn. Do đó, rủi ro mà doanh nghiệp phải đối mặt đó là, rủi ro trong trường hợp khâu thăm dò không phản ánh đúng thực tế (số lượng và chất lượng kém hơn thực tế). Trữ lượng tài nguyên không đạt được ước tính ban đầu sẽ đẩy chi phí thành phẩm lên cao, khiến cho sản phẩm sẽ không cạnh tranh và hiệu quả thu được không cao, ảnh hưởng trực tiếp kế hoạch sản xuất của Công ty.

Các hoạt động của Công ty luôn bám sát quy trình đã được xây dựng cụ thể về việc thăm dò, khảo sát địa chất cho từng hoạt động, dự án triển khai, nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro và tiết kiệm tối đa chi phí cho hoạt động này.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác khoáng sản phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường như sức ép bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. Điều này cũng gây tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào những vụ tranh cãi pháp lý hay phản đối từ dư luận đối với hoạt động khai thác là hoạt động đem lại doanh thu chính cho Công ty. Việc thu các khoản phí bảo vệ môi trường, phí nước thải công nghiệp, tiền thuê đất khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên ngày càng cao thể hiện việc nâng rào của Nhà nước đối với hoạt động này và sẽ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty luôn cố gắng nâng cao chất lượng hệ thống khai thác, sản xuất, các giải pháp công nghệ nhằm hạn chế tối đa tác động xấu đến môi trường xung quanh mà không hạn chế đến sự tăng trưởng và phát triển của Công ty.

Giải pháp:

Công ty tiến hành đánh giá xác suất xảy ra rủi ro liên quan đến môi trường cho từng lĩnh vực hoạt động và mức độ thiệt hại phát sinh khi xảy ra rủi ro để có những biện pháp phòng ngừa và cải thiện thích hợp. Song song với đó, Ban lãnh đạo Công ty cũng phổ biến rộng rãi các Quy định về “Việc bảo vệ môi trường” cho từng lĩnh vực hoạt động. Quy định nêu rõ Đối tượng thực hiện, Phạm vi áp dụng và các giải pháp cụ thể để hạn chế tối đa việc vi phạm pháp luật về môi trường và không gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và cộng đồng xung quanh nơi Công ty hoạt động



RỦI RO KHÁC

Khai thác khoáng sản phụ thuộc rất nhiều vào sự biến động và thay đổi của điều kiện tự nhiên: bão, lũ, động đất,... Yếu tố thời tiết ảnh hưởng tương đối lớn đến tiến độ, sản lượng khai thác hoặc các dự án, công trình đang triển khai của Công ty.

Giải pháp:

Để hạn chế tối đa những thiệt hại bất khả kháng có thể xảy ra, Công ty dự kiến tham gia bảo hiểm cho tài sản và các công trình thăm dò mà Công ty đang triển khai.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Tổng quan kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tổ chức và nhân sự

Tình hình tài chính

Cổ phần, cổ đông và cổ phiếu Á CHÂU

+ 1,113 triệu đồng

+ 3.4%

Lợi nhuận sau thuế

Kết thúc năm 2018, mặc dù nền kinh tế Việt Nam nói chung đang đà tăng lên, nhưng do ảnh hưởng của những yếu tố bên ngoài như sự nới lỏng trong chính sách lãi suất của Fed, những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ do chiến tranh thương mại Mỹ- Trung ngày càng diễn biến phức tạp cũng phần nào ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế. Năm 2018 chứng kiến sự phục hồi thiếu ổn định của kinh tế thế giới, sự tăng trưởng diễn ra không đồng đều giữa các nước và thậm chí trong cùng một nhóm ngành.

Tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam nói

CHẤT LƯỢNG THAY LỜI NÓI

Không ngừng nỗ lực phấn đấu
và phát triển doanh nghiệp

TỔNG QUAN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

2018.

chung cao hơn so với năm trước và so với 10 năm qua: tốc độ tăng trưởng GDP năm 2018 ước tính đạt 7.08%, cao hơn mức kế hoạch đề ra từ 6.5% đến 6.7% và cao hơn GDP cả năm 2017 là 6.81%; tuy nhiên điều này lại chưa thực sự tạo cơ hội tăng trưởng mạnh mẽ cho ngành khai khoáng nói chung và hoạt động SXKD của Công ty nói riêng.

Năm 2018, đối với Á Châu bên cạnh những khó khăn từ nền kinh tế, thì cũng phải đối mặt với nhiều biến động chung của ngành như:

Giá xăng, dầu liên tục biến động tăng kéo theo giá nguyên liệu đầu vào, cước vận chuyển cũng tăng theo: giá nguyên liệu đá học trắng tăng bình quân 9% (tương ứng tăng 34.000 đ/tấn) so với năm 2017; cước vận tải biển trong năm tăng 4 đợt, tổng mức tăng 1.800.000 đ/cont (tương ứng tăng 69.000 đ/tấn).

Những thay đổi trong chính sách Thuế, phí của nhà nước trực tiếp tác động đối với ngành nghề kinh doanh của đơn vị đã làm gia tăng các chi phí, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh (tăng thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ: 162 triệu,

tăng chi phí cấp quyền khai thác mỗi mỏ lên gấp 3 lần so với năm 2017, thuế tài nguyên: tăng 11.200 đ/tấn so với năm 2017).

Thị trường xuất khẩu bị thu hẹp (doanh thu xuất khẩu năm 2018 chỉ đạt 71% so với năm 2017: Sản lượng XK năm 2017: 17.516,7 tấn, năm 2018: 12.427,25 tấn) nên việc tiếp cận tín dụng bằng ngoại tệ gặp khó khăn

Bên cạnh đó, những khó khăn riêng của Công ty về hoạt động khai thác cũng chưa thể chủ động kiểm soát được như khách hàng nội địa chậm thanh toán công nợ càng làm gia tăng các khoản vay ngân hàng để bổ sung vốn lưu động, dẫn đến chi phí lãi vay tăng, giảm hiệu quả kinh doanh (lãi vay năm nay tăng 71,32% so với năm 2017).

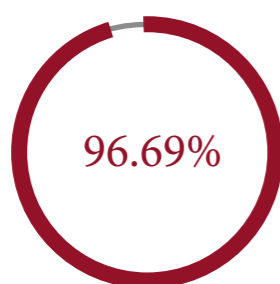
Trong bối cảnh đó, Công ty vẫn kiên định với mục tiêu chiến lược của mình, nỗ lực đầu tư, đẩy mạnh sản xuất để không ngừng duy trì, mở rộng và vượt qua khó khăn thách thức để phát triển. Do vậy, năm 2018 Công ty vẫn đạt được chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2014	2015	2016	2017	2018	CAGR giai đoạn 2014-2018
Sản lượng sản xuất bột đá	Tấn	93,277	92,187	104,392	104,750	112,552	4.81%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	103,215	118,128	126,091	114,470	117,887	3.38%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	136,216	162,214	166,425	147,497	144,586	1.50%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	72,930	92,696	100,765	88,325	82,351	3.08%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9,515	12,260	12,640	10,432	10,790	3.19%

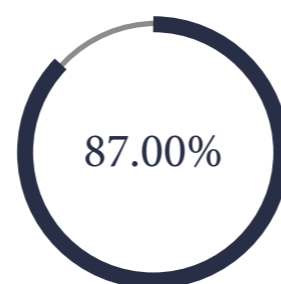
■ Doanh thu bán thành phẩm

■ Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ vận chuyển



■ Trong nước

■ Xuất khẩu



Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018

Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH2018/TH2017	TH/KH 2018
Sản lượng sản xuất bột đá	Tấn	104,750	108,800	112,552	107.45%	103.45%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	114,470	108,800	117,887	102.99%	108.35%
Doanh thu	Triệu đồng	147,497	165,035	144,586	98.03%	87.61%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11,009	10,333	11,446	103.97%	110.77%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10,432	9,811	10,790	103.43%	109.98%
Cổ tức	%	35	>=20	20	100%	

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 của Công ty như sau:

- » Doanh thu thuần đạt 145 tỷ đồng, giảm 1.97% so với 2017 và đạt 98.03% kế hoạch đề ra.
 - » Lợi nhuận trước thuế đạt 11.45 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2017 và đạt 104% kế hoạch đề ra.
 - » Lợi nhuận sau thuế đạt 10.79 tỷ đồng, tăng 3.43% so với năm 2017 và đạt 110% so với kế hoạch đề ra.
 - » Mức cổ tức chi trả cho năm 2018 là 20%, đạt 100% so với kế hoạch đề ra.
- Kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty nhìn chung đã đạt được mức kế hoạch đề ra. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng còn chưa nhanh, tốc độ tăng trưởng kép CAGR giai đoạn 2014-2018 đối với doanh thu là 1.05% và đối với lợi nhuận sau thuế là 3.19%.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2018, với mục đích đẩy mạnh sản xuất, tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ bột đá, và tăng nhanh tỷ trọng doanh thu ở mảng bán thành phẩm bột đá vôi trắng siêu mịn CaCo₃.

Năm 2018, Công ty đã đầu tư mới các tài sản, bao gồm:

- » Máy đo sai lệch màu CR-410 (Test sản phẩm), giá trị đầu tư: 213 triệu đồng.
- » Xe nâng Komatsu FD30HT-14 (phục vụ nâng hàng), giá trị đầu tư: 326 triệu đồng.
- » Hệ thống máy lọc nước tinh khiết công suất 250L/h: 53 triệu đồng

Nhìn chung, năm 2018 đã ghi nhận Công ty đã thực hiện đầu tư tăng năng lực sản xuất với tổng trị giá đầu tư khoảng 592 triệu đồng, các hạng mục sau đầu tư phát huy được hiệu quả. Một số hạng mục đầu tư còn dang dở chưa hoàn thành tính đến cuối năm như: Hầm Container phục vụ xuất hàng, Nhà kho chứa bao bì, Bể lắng nước phục vụ sản xuất sẽ tiếp tục hoàn thành trong năm 2019.



CÔNG TY KHÔNG CÓ CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Những thay đổi trong Ban lãnh đạo của Công ty năm 2018

Ngày 15/9/2018, Ông Lê Đình Hùng được bầu bổ sung vào Hội Đồng Quản trị, kiêm chức Giám đốc theo nghị quyết số 12/NQ-ĐHĐCDBT của Đại hội đồng cổ đông

Lao động

Tổng số cán bộ, công nhân viên và người lao động của Công ty Cổ phần khoáng sản Á Châu tính đến ngày 31/12/2017 là 122 người, được phân loại như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2017 (người)	Số lượng 2018 (người)	Tỷ trọng 2018
A	Theo trình độ lao động			
	Đại học và trên đại học	28	24	20.17%
	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	7	7	5.88%
	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	53	52	43.70%
	Lao động phổ thông	34	36	30.25%
B	Theo đối tượng lao động			
	Lao động trực tiếp	62	63	52.94%
	Lao động gián tiếp	60	56	47.06%
C	Theo giới tính lao động			
	Nam	106	104	87.39%
	Nữ	16	15	12.61%
D	Theo độ tuổi			
	Dưới 25	1	0	0.00%
	Từ 25-35	70	56	47.06%
	Trên 35	51	63	52.94%
E	Theo thời gian làm việc tại công ty			
	Từ 0-2 năm	29	19	15.97%
	Từ 2-5 năm	28	26	21.85%
	Từ 5-10 năm	65	50	42.02%
	Trên 10 năm		24	20.17%
Tổng cộng		122	119	97.54%

Chính sách đối với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Công ty.

Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Công ty luôn duy trì hướng đến một môi trường lao động tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình.

Chế độ làm việc:

Về thời gian làm việc: công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1.5 tiếng. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động. Nhân sự Công ty chiếm đa số là công nhân lao động do đặc thù của ngành nghề khai thác khoáng sản. Văn phòng, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách khen thưởng và kỉ luật

Ngoài chế độ tiền lương, Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như: Lương tháng 13, thưởng Tết, thưởng các dịp lễ lớn, thưởng tiết giảm chi phí, thưởng hiệu quả công việc,...

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ, thoáng mát, tổ chức các chương trình văn hóa văn nghệ,...giải trí sau giờ làm việc cho cán bộ nhân viên. Đảm bảo mỗi cán bộ, nhân viên ở các bộ phận khác nhau sẽ được hưởng thu nhập tương xứng với công việc mà mình đảm nhận.

Các phúc lợi khác của người lao động trong Công ty luôn được đảm bảo như: hỗ trợ lao động nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thai sản, nghỉ dưỡng hàng năm,... Công ty luôn tạo mọi điều kiện để Công đoàn chăm lo cho người lao động tốt nhất theo đúng quy định.

Chính sách đào tạo

Công nhân trực tiếp sản xuất tại Công ty được chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề và tham gia các hoạt động tập huấn, đảm bảo tiêu chuẩn lao động đáp ứng tốt nhất yêu cầu chuyên môn của công việc tại Công ty.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

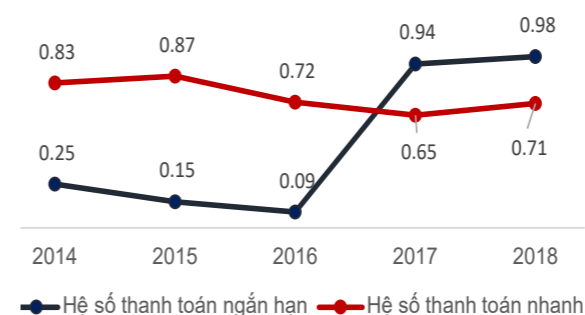
Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng trưởng
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	88,535	85,954	(2.92%)
Doanh thu thuần	Triệu đồng	147,497	144,586	(1.97%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	11,221	12,276	9.41%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(211)	(830)	293.75%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11,010	11,446	3.96%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10,432	10,790	3.43%

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Các chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	(2018) - (2017)
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0.94	0.98	0.04
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.65	0.71	0.06
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	46.21%	45.40%	(0.81%)
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	85.92%	83.16%	(2.76%)
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8.57	8.08	-0.49
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1.67	1.68	0.01
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/DTT	%	7.07%	7.46%	0.39%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	21.91%	22.99%	1.08%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng TS (ROA)	%	11.78%	12.55%	0.77%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/DTT	%	7.61%	8.49%	0.88%

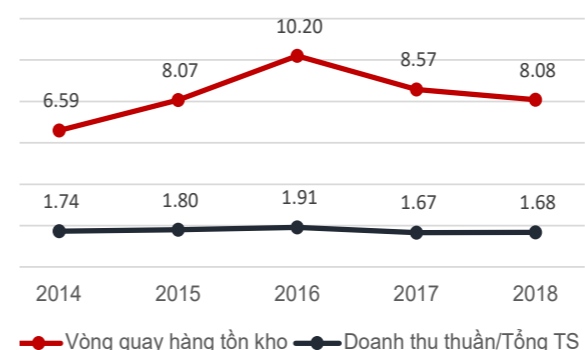
Khả năng thanh toán



Năm 2018, Công ty đã cải thiện được năng lực thanh toán nhanh, với hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,65 lên 0,71 – tức là trong 1 đồng nợ ngắn hạn thì có 0,72 đồng tiền mặt có thể thanh toán ngay lập tức cho nhà cung cấp.

Về khả năng thanh toán ngắn hạn cũng được cải thiện trong năm 2018, hệ số thanh toán cũng tăng từ 0.94 năm 2017 lên 0.98 lần do lượng tiền và tương đương tiền ảnh hưởng từ hoạt động kinh doanh và đầu tư tăng 551% trong khi nợ phải trả ngắn hạn gần như giữ nguyên (chỉ giảm 3%), khiến khả năng thanh toán tăng.

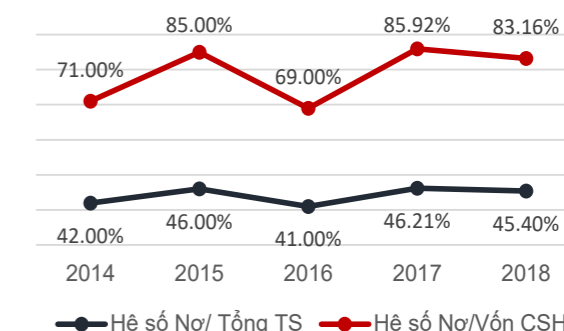
Năng lực hoạt động



Vòng quay hàng tồn kho năm 2018 đạt 8.08 lần, giảm 0.49 lần so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm công ty kiểm soát tốt chi phí sản xuất nên mặc dù giá nguyên liệu đá hộc trắng tăng 9% nhưng giá vốn hàng bán năm 2018 của Công ty giảm 7% so với năm 2017

DTT/Tổng TS năm 2017 đạt 1.68, tăng 0.01 lần so với năm 2017 cho thấy tốc độ tăng trưởng của doanh thu không theo kịp tốc độ tăng trưởng của tổng tài sản

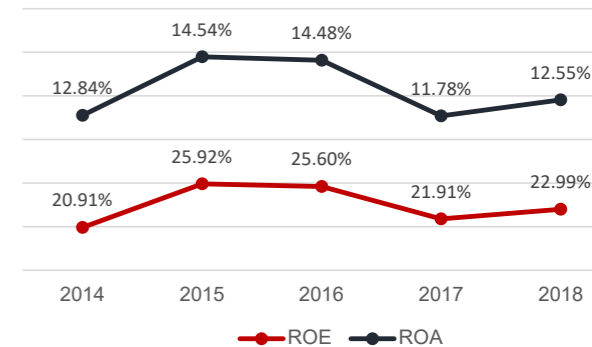
Cơ cấu vốn



Cơ cấu vốn của công ty đang có xu hướng giảm tỷ trọng của các khoản nợ. Các hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm trong năm 2018 do Công ty đang hoàn thành dần nghĩa vụ trả nợ đối với các tổ chức tài chính.

Hệ số nợ /tổng tài sản năm 2018 là 45.4% giảm 0.81% so với năm 2017. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu năm 2018 là 83.16%, giảm 2.76% so với năm 2017.

Khả năng sinh lời



Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT của Công ty vẫn tăng trưởng từ năm 2014 đến nay, đạt 7.46%. Điều này cho thấy hiệu quả của hoạt động sản xuất của Công ty đang được cải thiện.

Hai chỉ tiêu quan trọng là ROE (Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu) và ROA (hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản đều đạt những tín hiệu tăng trưởng tích cực); mặc dù tăng trưởng hơi chậm so với năm 2014- 2015 nhưng do Công ty vẫn đang đầu tư vào mỏ đá Châu Hồng và dây chuyền nghiền bột đá để tăng năng lực sản xuất. Năm 2018, ROE đạt 22.99% và ROA đạt 12.55%. Trong năm Công ty đã tối đa hóa hoạt động của tài sản giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh, góp phần tối đa hóa lợi ích cổ đông.

CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHIẾU

Cổ phần

Tính đến ngày 31/12/2018, Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu đã phát hành 2.850.000 cổ phiếu.

Trong đó:

- * Số lượng cổ phần: 2,850,000 cổ phiếu
- * Mệnh giá cổ phiếu: 10,000 đồng
- * Số lượng cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- * Số lượng cổ phiếu phổ thông: 2,850,000 cổ phiếu
- * Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2,850,000 cổ phiếu
- * Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

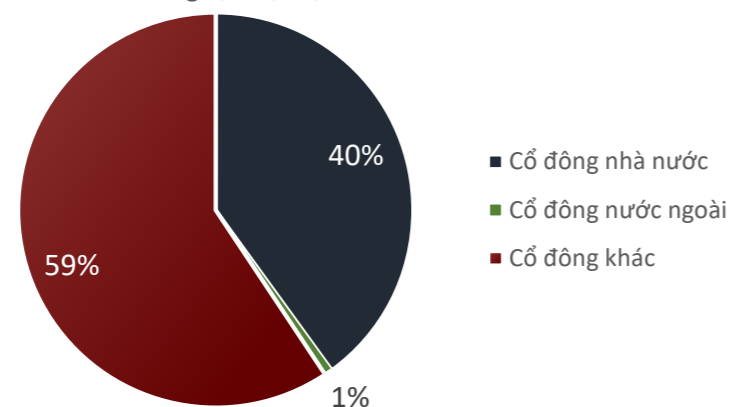
Cơ cấu cổ đông

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông Nhà nước	1,140,000	40%
2	Cổ đông Nước ngoài	18,900	0.66%
3	Cổ đông khác	1,691,100	59.34%
	Tổng	2,850,000	100%

Thay đổi vốn đầu tư CSH: Không thay đổi

Giao dịch CP quỹ: Không có

Cơ cấu cổ đông tại 31/12/2018

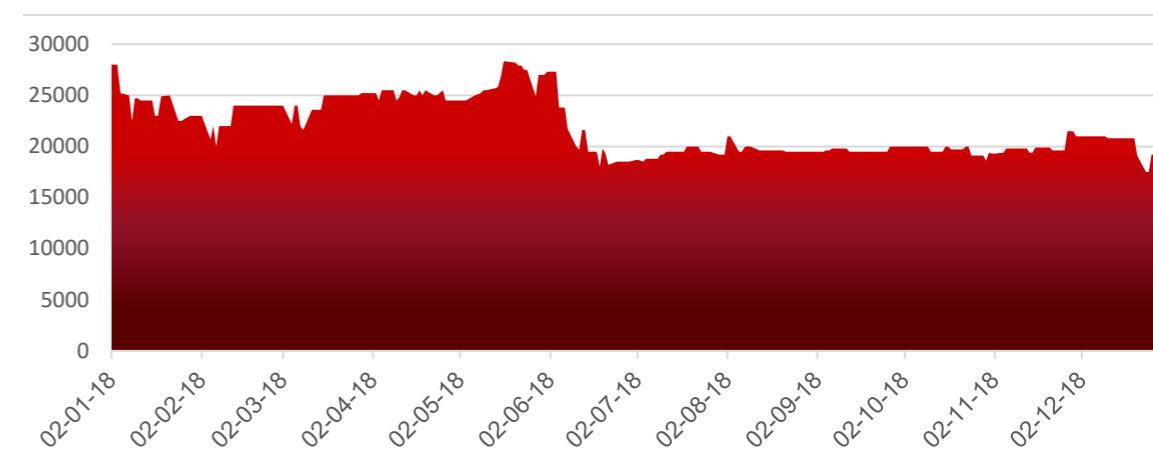


Danh sách cổ đông lớn

Tên tốt chức/ Cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
Tổng công ty Hợp tác kinh tế	VSDAMC2706000028	Số 187 Lê Duẩn, TP Vinh, Nghệ An	1,140,000	40%

Diễn biến của cổ phiếu AMC năm 2018

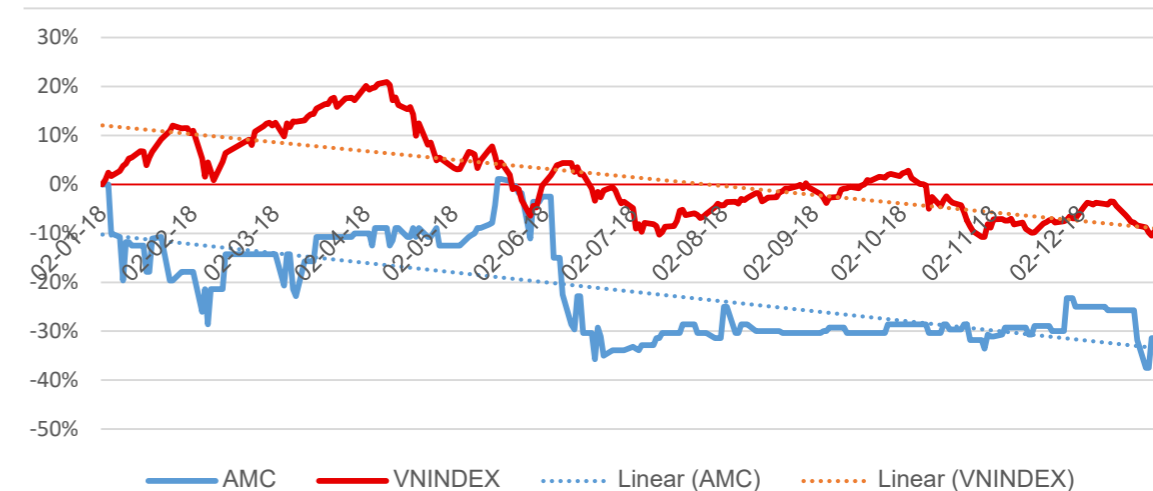
Biểu đồ giá đóng cửa của cổ phiếu AMC từ 01/01/2018 đến 31/12/2018



(Nguồn: HNX, www.vndirect.com.vn)

Giá cổ phiếu Khoáng sản Á Châu (AMC) năm 2018 biến động với giá đóng cửa thấp nhất là 17,500 đồng, giá cao nhất đạt 28,300 đồng, chênh lệch 10,800 đồng tương đương 38.2%.

Biểu đồ so sánh diễn biến AMC và VNINDEX từ 01/01/2018 đến 31/12/2018



(Nguồn: HNX, www.vndirect.com.vn)

Nhìn chung toàn cảnh thị trường 2018, có thể thấy chứng khoán AMC chuyển động theo xu thế thị trường. Trong năm 2018, thị trường chứng khoán có xu hướng giảm mạnh, chỉ số Vn-Index từ vùng đỉnh 1.204 điểm đã “lao dốc” xuống vùng 900 điểm trong ba quý cuối năm, tương ứng mức điều chỉnh khoảng 26% trong khi chỉ số AMC tương ứng mức điều chỉnh 38%.

Trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2018, cổ phiếu khoáng sản Á Châu (AMC) biến động ngược chiều với xu hướng tăng điểm của VN – Index. Từ ngày 29/05/2017, giá cổ phiếu giảm mạnh do giá được đặt lại cho ngày giao dịch không hưởng quyền.

Tuy nhiên, bước vào cuối tháng 5 / 2017, giá cổ phiếu có xu hướng đảo chiều giảm dần và cùng chiều với chỉ số Vnindex do ảnh hưởng của lo ngại toàn cầu. Chỉ số giảm mạnh với nguyên nhân đến từ những lo ngại về chiến tranh thương mại leo thang trên toàn thế giới, xu hướng siết chặt dòng tiền, Fed tăng lãi suất, cũng như tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể “hạ nhiệt” đã ảnh hưởng không nhỏ tới thị trường tài chính quốc tế nói chung, tài chính Việt Nam nói riêng và khoáng sản Á Châu cũng không ngoại lệ.

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá tổng quát kết quả kinh doanh năm 2018

Phân tích kết quả kinh doanh năm 2018

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

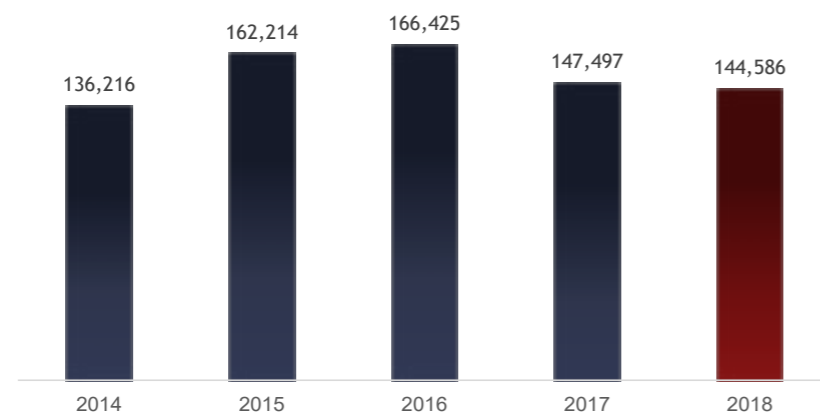


ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018

DOANH THU, CƠ CẤU DOANH THU THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Doanh thu thuần (triệu đồng)

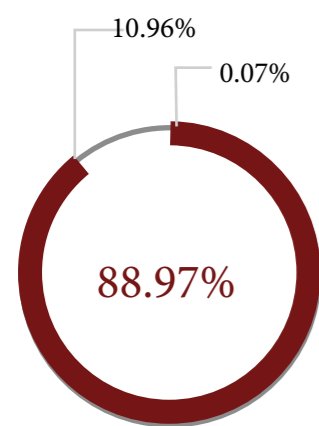
CAGR = 2%



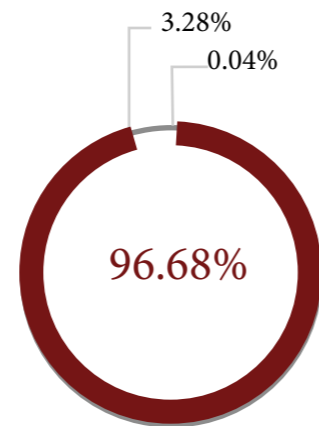
Giai đoạn 2013 – 2018, Doanh thu thuần của Công ty đạt tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) là 2%. Năm 2018, doanh thu thuần đạt 145 tỷ đồng, tăng 2% so với năm 2017, trong đó, ghi nhận sự tăng trưởng từ doanh thu bán thành phẩm, trong khi doanh thu từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ vận tải đều giảm. Doanh thu từ bán hàng hóa năm 2018 đạt 4.7 tỷ đồng, giảm 71% so với mức 16.1 tỷ đồng năm 2017, doanh thu từ cung cấp dịch vụ vận chuyển giảm 52% so với năm 2017.

CƠ CẤU DOANH THU THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

CƠ CẤU DOANH THU 2017



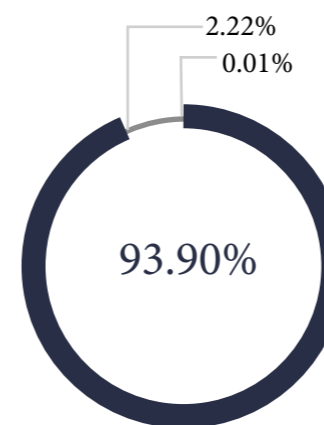
CƠ CẤU DOANH THU 2018



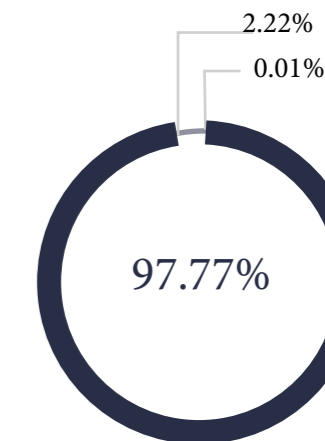
Xét về cơ cấu doanh thu chi tiết, kết quả kinh doanh 2018 tiếp tục phản ánh rõ cơ cấu đặc trưng trong hoạt động SXKD của doanh nghiệp: Công ty đang tập chung theo đuổi mảng dịch vụ chính của mình là cung cấp bột đá vôi mịn CaCo3. Doanh thu từ bán thành phẩm: đá vôi mịn CaCO3 vẫn là lĩnh vực kinh

doanh chính và chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu, chiếm 96.7% tổng doanh thu thuần năm 2018 và cũng là mảng mang lại biên lợi nhuận gộp cao nhất cho Công ty trong nhiều năm. Trong khi đó, doanh thu từ bán hàng hóa giảm mạnh trong từ năm 2016 cho đến nay, giảm gần 20%, chỉ chiếm 3.28% trong cơ cấu doanh thu 2018. Tỉ trọng doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển cũng giảm dần, đến Quý IV/2018 Công ty không cung cấp dịch vụ nữa khiến cho tỉ trọng doanh thu chỉ còn ở mức 0.04%.

CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP 2017



CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP 2018



Tương tự doanh thu thuần, bán thành phẩm cũng là mảng chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu lợi nhuận gộp trong nhiều năm, chiếm 93.57% và 97.77% trong năm 2017, 2018. Trong khi lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa và lợi nhuận từ cung cấp dịch vụ vận tải giảm lần lượt còn 2.22% và 0.01% vào năm 2018.

	2014	2015	2016	2017	2018
Bán hàng hóa	28.68%	29.15%	24.99%	23.28%	29.16%
Bán thành phẩm	49.25%	46.90%	43.62%	42.19%	43.52%
Cung cấp dịch vụ	0%	57.54%	49.33%	38.05%	16.74%

Với lợi thế là sở hữu quyền khai thác 2 mỏ đá vôi trắng ở Nghệ An có chất lượng tốt nhất Việt Nam, cùng với các dây chuyền sản xuất hiện đại, đa dạng sản phẩm với công suất 150.000 tấn/năm, đảm bảo những tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt nhất theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008, Công ty hoàn toàn làm chủ được toàn bộ chuỗi giá trị khép kín từ khâu thăm dò, khai thác mỏ, sản xuất đến thành phẩm sản phẩm đầu ra cuối cùng là bột đá vôi siêu mịn.

Việc Công ty chuyển dịch cơ cấu doanh thu, tập trung hơn vào mảng bán thành phẩm: bột vôi mịn CaCo3 cùng với mức biên lợi nhuận ổn định qua các năm khiến cho lợi nhuận gộp của Công ty nhìn chung tiếp tục tăng trưởng. Điều này cho thấy Công ty đang tận dụng thế mạnh của mình một cách hiệu quả để phát triển dòng sản phẩm của mình trên thị trường khoáng sản.

CƠ CẤU DOANH THU THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

CƠ CẤU DOANH THU THUẦN QUA CÁC NĂM

(Triệu đồng)

	2014	2015	2016	2017	2018
Trong nước	94,588	119,978	133,830	121,414	125,850
Xuất khẩu	41,628	42,237	32,559	26,083	18,736
Tổng	136,217	162,215	166,389	147,497	144,586

Xét về cơ cấu doanh thu chi tiết theo khu vực địa lý, kết quả kinh doanh cho thấy doanh thu từ xuất khẩu đang giảm dần qua các năm. Nguyên nhân đến từ những khó khăn khi đối thủ cạnh tranh trong ngành tăng cao cả ở trong nước và nước ngoài. Bên cạnh đó những căng thẳng do chiến tranh thương mại cũng khiến tình hình kinh doanh trở nên khó khăn hơn, dẫn đến doanh thu trong Công ty ở mảng xuất khẩu giảm dần, đạt 18.7 tỉ năm 2018.

BIÊN LỢI NHUẬN GỘP THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ QUA CÁC NĂM

	2014	2015	2016	2017	2018
Trong nước	10.76%	12.34%	4.88%	6.09%	12.70%
Xuất khẩu	15.33%	20.52%	23.82%	23.96%	21.32%

Tuy nhiên, xét trong cơ cấu biên lợi nhuận, biên lợi nhuận gộp ở mảng xuất khẩu vẫn cao trong nhiều năm, dao động trên 50% và đạt 53.31% trong năm 2018 trong khi biên lợi nhuận gộp trong nước chiếm khoảng 41.54% (mặc dù doanh thu từ mảng xuất khẩu chỉ chiếm gần 0.3 lần doanh thu từ trong nước). Năm 2018 theo Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2018 ước tính đạt 7.08%, cao

hơn mức kế hoạch đề ra từ 6.5% đến 6.7% và cao hơn GDP cả năm 2017 là 6.81%. Dự báo triển vọng ngành khai khoáng trong những năm tới vẫn rất khả quan khi mà những sản phẩm đầu ra chính của vôi bột mịn CaCo3 là sơn, nhựa, giấy cao cấp, cao su, kính, gốm sứ, đá marble nhân tạo, bột trét tường,... đều là vật liệu xây dựng. Hơn nữa, thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ dân cư tầng trung lưu cũng như tỷ lệ đô thị hóa tăng cao thúc đẩy nhu cầu xây dựng, tiêu dùng, nhà ở tăng cao. Với những đặc điểm nêu trên kết hợp với quy mô dân số lớn dẫn ở những

nền kinh tế đang phát triển, đặc biệt là Châu Á sẽ là thị trường chính cho bột vôi mịn CaCo3. Theo báo cáo của FPTs, năm 2013, Châu Á là châu lục có giá trị xây dựng cao nhất thế giới – chiếm 44% tổng giá trị toàn cầu, dự báo các nền kinh tế đang phát triển có thể chiếm 60% sản lượng xây dựng toàn cầu vào năm 2025. Theo nghiên cứu Global Construction 2013 (một nghiên cứu toàn cầu về ngành xây dựng và kỹ thuật được công bố Global Construction Perspectives and Oxford Economics), dự đoán rằng thị trường xây dựng của Đông Nam Á sẽ vượt mức 1 nghìn tỷ USD vào năm 2030. Trong

tương lai gần, các nước như Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á sẽ là động lực chính cho đầu ra các nhóm ngành vật liệu xây dựng.

Do vậy Công ty luôn sẵn sàng tận dụng mọi nguồn lực để đẩy mạnh và tham gia vào thị trường xuất khẩu để phát triển SXKD.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018

Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH 2018
Sản lượng sản xuất bột đá	Tấn	108,800	112,552	103.45%
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	108,800	117,887	108.35%
Doanh thu thuần	Triệu	165,035	144,586	87.61%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu	10,333	11,446	110.77%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu	9,811	10,790	109.98%
Cổ tức	%	>=20	20	100%

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 của Công ty như sau:

- » Doanh thu thuần đạt 145 tỷ đồng, giảm 1.97% so với 2017 và đạt 98.03% kế hoạch đề ra.
- » Lợi nhuận trước thuế đạt 11.45 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2017 và đạt 104% kế hoạch đề ra.
- » Lợi nhuận sau thuế đạt 10.79 tỷ đồng, tăng 3.43% so với năm 2017 và đạt 110% so với KH.

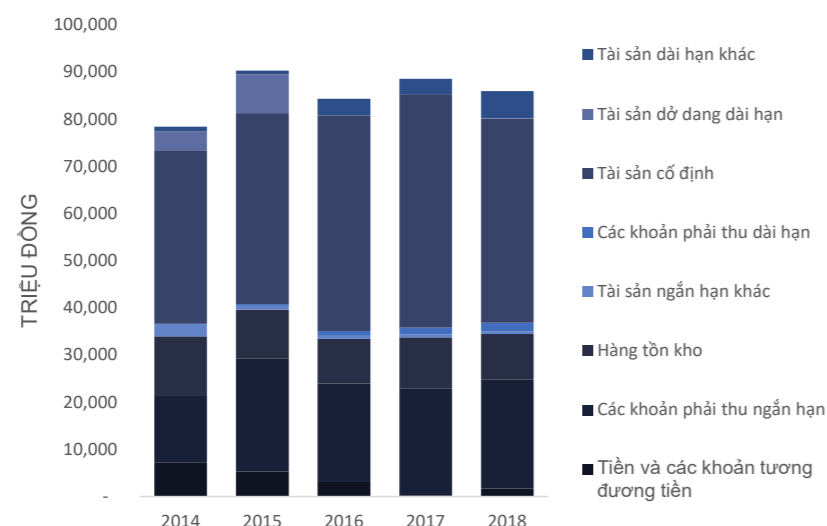
Ban Tổng Giám đốc đánh giá kết quả SXKD 2018 của Công ty nhìn chung là chưa cao nhưng vẫn tương đối tốt và đạt chỉ tiêu lợi nhuận đề ra.

Việc này do một số nguyên nhân chính sau: Thứ nhất: tỷ lệ đối thủ cạnh tranh cùng ngành tăng cao nên Công ty phải hạ giá thành sản phẩm. Thứ hai, trong năm 2018, các yếu tố từ thị trường như giá xăng, dầu, cước vận tải biển, thuế GTGT tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Bước sang năm 2019, được dự báo tình hình thị trường tiếp tục có những biến động lớn mang lại thiên hướng bất lợi cho việc SXKD, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng sẽ tiếp tục vượt qua những khó khăn để mang lại lợi nhuận cho Công ty, đồng thời tạo ra những bước tăng trưởng mới.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN



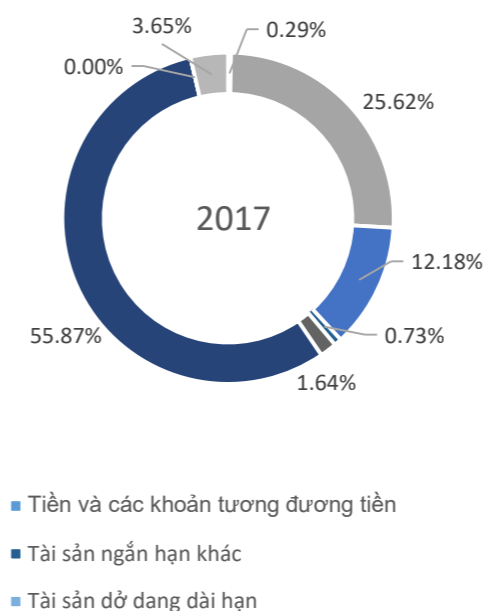
BẢNG CẤU TRÚC TÀI SẢN NĂM 2017 - 2018

Tài sản	Đơn vị	2017	2018	% Tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn				
Tiền và các khoản tương đương tiền	Triệu đồng	259	1,688	551%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	22,685	23,142	2%
Hàng tồn kho	Triệu đồng	10,784	9,606	-11%
Tài sản ngắn hạn khác	Triệu đồng	649	591	-9%
Tài sản dài hạn				
Các khoản phải thu dài hạn	Triệu đồng	1,456	1,790	23%
Tài sản cố định	Triệu đồng	49,468	43,318	-12%
Tài sản dở dang dài hạn	Triệu đồng	-	132	-
Tài sản dài hạn khác	Triệu đồng	3,233	5,688	76%
Tổng tài sản	Triệu đồng	88,535	85,954	-3%

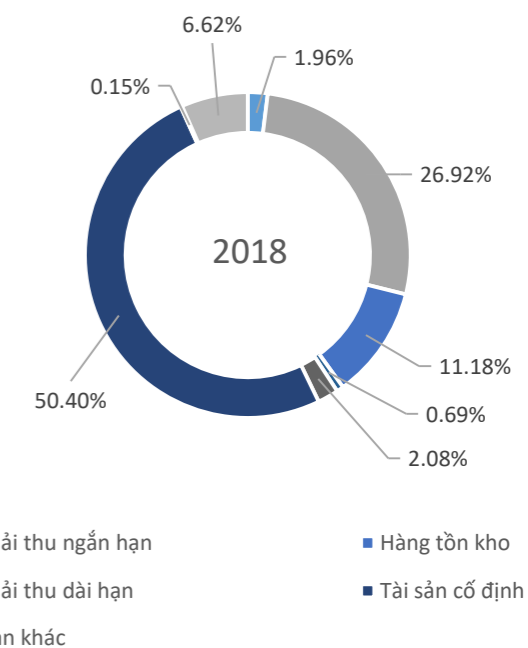
Tổng tài sản Công ty năm 2018 đạt 85.9 tỉ đồng, giảm 3% so với năm 2017. Tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) giai đoạn 2014 – 2018 của tổng tài sản là 2%.

Đặc thù là doanh nghiệp ngành khoáng sản, tài sản cố định chủ yếu của Công ty là máy móc, cơ sở vật chất phục vụ công tác khai thác nên chưa có sự thay đổi quá lớn, cơ cấu tài sản giữ ở mức ổn định trong năm 3 năm liên tiếp từ 2016 đến 2018, tài sản dài hạn của Công ty vẫn chiếm khoảng 2/3 tổng tài sản.

CẤU TRÚC TÀI SẢN NĂM 2017



CẤU TRÚC TÀI SẢN NĂM 2018



TÀI SẢN DÀI HẠN:

Tài sản dài hạn năm 2018 đạt 50.9 tỷ đồng giảm 6% so với năm 2017. Trong năm doanh nghiệp hầu như không có phát sinh khoản chi ngoài dự kiến cho tài sản cố định có giá trị lớn, do đó nguyên nhân chính khiến giá trị tài sản dài hạn giảm là do doanh nghiệp trích khấu hao từ tài sản cố định vô hình như quyền khai thác khoáng sản, hay từ tài sản cố định hữu hình, bao gồm, máy móc và thiết bị, nhà cửa, và tài sản cố định khác.

Các khoản phải thu dài hạn của Công ty tăng 23% xuất phát từ khoản ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, tuy nhiên không đáng ngại. Cuối năm 2018, khoản phải thu khó đòi của khách hàng giảm 38%, chỉ còn ở mức 82 triệu, đây là một dấu hiệu tốt. Khoản phải thu này chiếm tỷ lệ khá nhỏ trong cơ cấu tài sản nên không ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

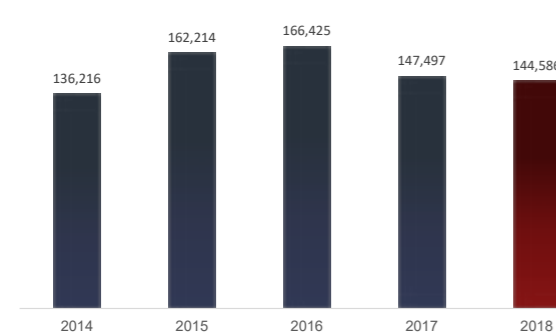
TÀI SẢN NGẮN HẠN:

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, về cơ bản là không có sự thay đổi đột biến giữa các khoản trong năm 2018. Các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 64.7% trong năm 2018, ảnh hưởng trực tiếp đến vốn lưu động của Công ty. Tài sản ngắn hạn năm 2018 đạt 35 tỷ đồng, tăng 2% so với năm 2017.

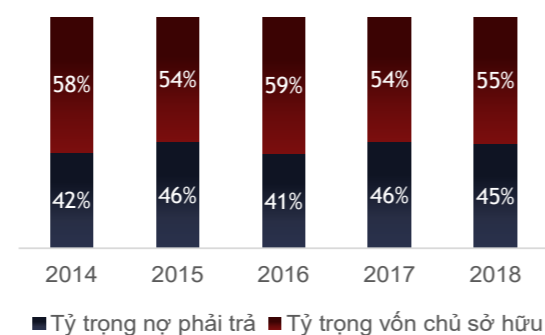
TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

VỐN CHỦ SỞ HỮU (triệu đồng)

CAGR = 1%



CƠ CẤU VỐN (%)



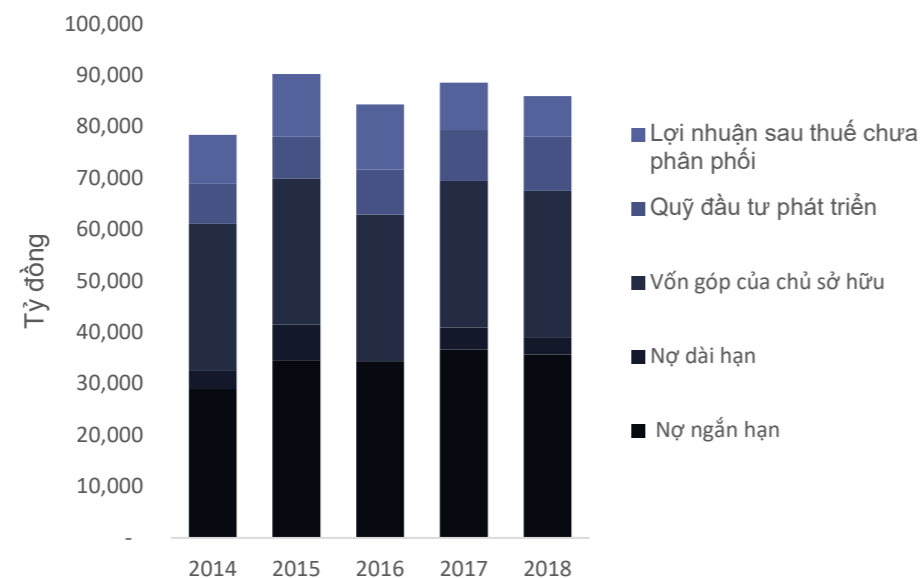
CƠ CẤU NGUỒN VỐN của Công ty gần như không có sự thay đổi đáng kể qua các năm. Vốn chủ sở hữu năm 2018 đạt 46.93 tỷ đồng, giảm 1.45% so với năm 2017. Tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) giai đoạn 2014 – 2018 của Vốn chủ sở hữu đạt 1%. Nợ phải trả năm 2018 giảm gần 5%, đạt gần 39 tỷ đồng, trong đó:

NỢ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN: năm 2018 đạt 35.6 tỷ đồng giảm 2.48%. Khoản nợ của Công ty chủ yếu đến từ khoản vay tài chính ngắn hạn chiếm 73% tổng nợ tài chính, với mục đích chủ yếu là bổ sung vốn lưu động sản xuất và kinh doanh xuất khẩu bột đá siêu mịn trong đó khoản phải thu của khách

hàng còn lớn cũng là một nguyên nhân khiến cho công ty phải đi vay thêm để tăng vốn lưu động.

NỢ PHẢI TRẢ DÀI HẠN: năm 2018 giảm, đạt 3.35 tỷ đồng tương đương giảm 22.64% so với năm 2017 do doanh nghiệp đã một số khoản vay của mình cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Vinh, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – CN Vinh. Năm 2018, Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản nợ đến hạn, không phát sinh các khoản nợ xấu, đảm bảo HDSX và uy tín của Công ty đã cam kết với đối tác.

CẤU TRÚC NGUỒN VỐN GIAI ĐOẠN NĂM 2017 - 2018



CẤU TRÚC NỢ PHẢI TRẢ NĂM 2017 - 2018

Triệu đồng

NỢ PHẢI TRẢ	2017	2018	% Tăng/ Giảm
I. Nợ ngắn hạn			
1. Phải trả người bán ngắn hạn	14,393	18,712	30.01%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	245	210	(14.12%)
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3,485	2,724	(21.84%)
4. Phải trả người lao động	5,807	2,553	(56.04%)
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	225	420	86.50%
6. Phải trả ngắn hạn khác	733	451	(38.51%)
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11,684	10,599	(9.29%)
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7	3	(59.96%)
II. Nợ dài hạn			
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	4,337	2,714	(37.44%)
2. Dự phòng phải trả dài hạn	-	642	0.00%

ĐÁNH GIÁ KHÁC

ẢNH HƯỞNG CỦA TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI

Hoạt động SXKD của Công ty cũng chịu sự ảnh hưởng bởi các biến động của tỷ giá hối đoái do gần 20% doanh thu của Công ty đến từ xuất khẩu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD. Tính đến thời điểm cuối tháng 11/2018, đồng Việt Nam đã mất giá khoảng 2.7% so với thời điểm đầu năm (theo Bloomberg). Tuy nhiên, do Công ty tìm cách tối ưu thời hạn thanh toán của các khoản nợ: dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỉ giá và rủi ro thanh khoản; cùng với việc nợ thuần ngoại tệ của Công ty có giá trị khá nhỏ nên không có ảnh hưởng lớn từ biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty.

ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỘNG LÃI XUẤT VAY

Khoản nợ của Công ty chủ yếu đến từ khoản vay tài chính ngắn hạn chiếm 73% tổng nợ tài chính, với mục đích chủ yếu là bổ sung vốn lưu động sản xuất và kinh doanh xuất khẩu bột đá siêu mịn. Trong năm 2018, lãi suất huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng là tương đối ổn định, nên mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đối với doanh nghiệp là không đáng kể. Đối với các khoản vay dài hạn, từ năm đầu năm 2017 đến nay, Công ty tăng cường hoạt động đầu tư đẩy mạnh sản xuất. Tổng nợ dài hạn chiếm 27% tổng nợ tài chính, tuy nhiên những khoản vay này được áp dụng mức lãi suất cố định nên sẽ không ảnh hưởng bởi tỷ giá.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng cơ bản vẫn diễn ra ổn định, phát triển, có hiệu quả cao; sản lượng sản xuất và tiêu thụ vượt kế hoạch đề ra, tuy doanh thu chỉ đạt 88% KH năm nhưng nhờ quản lý tốt, tiết kiệm được chi phí nên lợi nhuận đạt 110% KH năm; tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 20,5%; thu nhập bình quân người lao động 9.652.330 đ/ng/tháng đạt 97% KH năm.

CÔNG TÁC KẾ HOẠCH

- » Xây dựng kế hoạch hàng tháng, quý kịp thời, tính khả thi cao.
- » Áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật vào từng cung đoạn sản xuất. Thường xuyên theo dõi giám sát chặt chẽ chi phí trong toàn Công ty. Quản lý tốt chất lượng sản phẩm, tổ chức sản xuất hợp lý và khoa học.
- » Quản lý tốt giá thành sản xuất. Lựa chọn được các đối tác cung cấp nguyên liệu như: Bao bì, đá trắng, dịch trợ nghiền,... ổn định, đảm bảo về chất lượng, giá cả tốt nhất.

CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG

- » Xây dựng chiến lược phát triển thị trường ngắn hạn và dài hạn cho Công ty. Xây dựng giá bán sản phẩm linh hoạt phù hợp với thị trường nội địa và xuất khẩu, mang lại hiệu quả.
- » Quản lý tốt thị trường đã có, không ngừng khai thác mở rộng thị trường mới.
- » Từng bước xây dựng thương hiệu AMC và nhãn hiệu hàng hóa NSS của Công ty trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Thương hiệu của Công ty được khách hàng trong nước và nước ngoài tín nhiệm.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

- » Công tác hạch toán kế toán đúng nguyên tắc, phù hợp với quy chế quản lý tài chính. Cập nhật kịp thời



các văn bản, chính sách thuế mới.

- » Đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho hoạt động SXKD, tận dụng được tín dụng cho vay bằng ngoại tệ, phát huy hiệu quả sử dụng đồng vốn. Quản lý tốt chi phí.
- » Đảm bảo tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác cho người lao động
- » Đảm bảo được công tác thu hồi công nợ.

CÔNG TÁC KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ

- » Đảm bảo vật tư, phụ tùng thay thế, sửa chữa kịp thời, quản lý tốt công cụ dụng cụ.
- » Quản lý, thống kê, theo dõi hoạt động máy móc thiết bị chặt chẽ, thực hiện kịp thời, có chất lượng việc sửa chữa máy móc thiết bị, chỉ đạo bảo dưỡng máy móc đúng quy trình và quy định.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC LAO ĐỘNG – HÀNH CHÍNH

- » Công tác tuyển dụng: Phù hợp với nhu cầu sử dụng.
- » Công tác tiền lương: đảm bảo tính toán chính xác lợi ích cho người lao động, động viên khen thưởng kịp thời.
- » Đảm bảo đời sống cho CBCNV trong toàn Công ty.

CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH TẠI PHÂN XƯỞNG

- » Quản lý tốt chất lượng sản phẩm, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị. Khắc phục MMTB khi hỏng hóc.
- » Thực hiện tốt các lệnh sản xuất của Công ty.

ĐỘI KHAI THÁC ĐÁ QUỠ HỢP

- » Xây dựng và áp dụng có hiệu quả quy trình quy phạm trong khai thác. Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.
- » Quản lý tốt máy móc thiết bị, tài sản, chủ động kịp thời nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất tại nhà máy.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Trong năm, Công ty đã đầu tư mua mới các tài sản Tổng mức đầu tư của Công ty năm 2018 ~ 592 triệu đồng. Bao gồm:

- » Máy đo sai lệch màu CR-410 (Test sản phẩm), giá trị đầu tư: 213 triệu đồng.
- » Xe nâng Komatsu FD30HT-14 (phục vụ nâng hàng), giá trị đầu tư: 326 triệu đồng.
- » Hệ thống máy lọc nước tinh khiết công suất 250L/h: 53 triệu đồng

CÔNG TÁC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện đúng, đầy đủ các nghị quyết Hội đồng Cổ đông và nghị quyết Hội đồng Quản trị năm 2018.

MỘT SỐ TỒN TẠI VÀ HẠN CHẾ

- » Một số cán bộ nhân viên tinh thần trách nhiệm còn yếu, có biểu hiện dao động.
- » Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm còn hạn chế, xảy ra tình trạng hàng bị lỗi phải bồi thường cho khách hàng, số tiền: 297 triệu đồng.
- » Một số quy trình quản lý còn chưa khoa học, chưa đáp ứng được với yêu cầu cao của một số khách hàng nước ngoài.
- » Còn để xảy ra mất an toàn giao thông.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá chung về nền kinh tế và ngành
Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc
Kế hoạch năm 2019



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ, NGÀNH

Kinh tế- xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới trên đà phục hồi; tuy nhiên, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt vẫn chưa thực sự ổn định. Nền kinh tế vẫn bị ảnh hưởng bởi những thay đổi trong chính sách lãi suất hay chiến tranh thương mại của nước lớn trên thế giới. Tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam nói chung cao hơn so với năm trước và so với 10 năm qua: tốc độ tăng trưởng GDP năm 2018 ước tính đạt 7.08%, cao hơn mức kế hoạch đề ra từ 6.5% đến 6.7% và cao hơn GDP cả năm 2017 là 6.81%; tuy nhiên chưa thực sự

tạo cơ hội tăng trưởng mạnh mẽ cho ngành khai khoáng nói chung và hoạt động SXKD của Công ty nói riêng.

Bên cạnh đó cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành sản xuất bột đá diễn ra ngày càng gay gắt đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD, đầu tư và triển khai các hoạt động khác của Công ty. Nhiều nhà máy đầu tư hoàn thành đi vào hoạt động cạnh tranh về thị phần gay gắt, nhiều doanh nghiệp mới đã bán hạ giá thấp để vào thị trường làm Công ty cũng phải hạ giá để giữ thị phần, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018

Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	TH/KH 2018
Doanh thu thuần	Triệu	165,035	144,586	87.61%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu	10,333	11,446	110.77%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu	9,811	10,790	109.98%
Cổ tức	%	>=20	20	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018

Hoạt động SXKD của Công ty năm 2018 cơ bản ổn định; các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

- » Doanh thu thuần đạt 145 tỷ đồng, giảm 1.97% so với 2017 và đạt 98.03% kế hoạch đề ra.
- » Lợi nhuận trước thuế đạt 11.45 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2017 và đạt 104% kế hoạch đề ra.
- » Lợi nhuận sau thuế đạt 10.79 tỷ đồng, tăng 3.43% so với năm 2017 và đạt 110% so với KH.

Đây là kết quả khá sát so với mức kế hoạch và rất đáng ghi nhận trong bối cảnh hoạt động SXKD chung gặp nhiều khó khăn và sự cạnh tranh cao đến từ các đối thủ trên thị trường. Công ty chủ động kiểm soát giảm chi phí giá vốn hàng bán để giữ vững tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn này.

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG KHÁC

CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG

Công tác thị trường luôn được chú trọng và phát huy có hiệu quả; chất lượng sản phẩm được duy trì tốt, khẳng định được thương hiệu và uy tín đối với khách hàng, đảm bảo và vượt sản lượng tiêu thụ và doanh thu bán hàng, xây dựng được lượng khách hàng truyền thống có khả năng thanh toán tốt và an toàn. Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và đặc biệt duy trì, phát huy tốt thị trường xuất khẩu mang lại hiệu quả cao.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ

Công suất máy móc thiết bị được phát huy tối đa công suất, công tác quản lý định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, giá thành sản phẩm chặt chẽ, bám sát kế hoạch sản xuất nên giá thành sản phẩm đá trắng cơ bản thấp hơn giá thành kế hoạch. Chăm sóc máy móc hoạt động an toàn, không để gián đoạn sản xuất, không để xảy ra hỏng hóc lớn.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH VÀ NHÂN SỰ

» Quản trị tài chính kế toán có nề nếp, thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình quản lý tài chính, khai thác đảm bảo đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho SXKD. Ghi chép sổ sách, lập chứng từ và lập báo cáo tài chính phải đầy đủ, kịp thời. Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách chính xác, trung thực và khách quan, phù hợp theo chính sách chế độ nhà nước quy định.

» Chỉ đạo đơn vị thực hiện tốt chế độ chính sách của người lao động: Chế độ bảo hiểm, bảo hộ, lương, thưởng, nâng lương và các khoản phúc lợi xã hội.

» Thực hiện tốt việc nộp ngân sách nhà nước, bảo vệ môi trường và công tác quan hệ với địa phương tại địa bàn đứng chân được quan tâm. Công tác Đảng, Đoàn thanh niên, Phụ nữ được duy trì và hoạt động có hiệu quả.

ĐÁNH GIÁ HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

NHỮNG MẶT LÀM ĐƯỢC

Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã tiếp thu và tuân thủ một cách nghiêm túc những chỉ đạo từ các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT để triển khai chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty.

Năm 2018 quả thực là 1 năm khó khăn của ngành khoáng sản Việt Nam, cùng với việc ngày càng nhiều đối thủ cạnh tranh xuất hiện trên thị trường, Giám đốc và các nhân sự chủ chốt có nhiều nỗ lực, phấn đấu xuất sắc vượt qua khó khăn đưa Công ty đạt được tương đối kết quả SXKD đặt ra từ đầu năm 2018 (doanh thu đạt 88% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 110% so với kế hoạch).

Trong năm 2018, Ban Giám đốc tiếp tục triển khai, đầu tư dự án, không ngừng cải thiện và phát triển hệ thống sản xuất của doanh nghiệp, thường xuyên bám sát triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các định mức khai thác kỹ thuật để quản lý điều hành doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc luôn tích cực, cố gắng chủ động trong công tác thị trường nhằm đảm bảo sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là thị trường xuất khẩu. Đoàn kết thống nhất nội bộ, quan tâm chăm lo đến công tác đời sống người lao động, công tác kỹ thuật, an toàn vệ sinh lao động.

NHỮNG MẶT CHƯA LÀM ĐƯỢC

Do tỉ lệ cạnh tranh trong ngành ngày càng cao, mức độ càng ngày càng gay gắt nên một số mặt hàng còn bán giá thấp, hiệu quả chưa cao, mặc dù giá đầu vào tăng nhưng giá bán chưa tăng được tương ứng.

Ngoài ra, Do tình hình thực tế của thị trường nên chỉ đạo thực hiện đầu tư máy móc thiết bị cho sản xuất chưa theo đúng kế hoạch.



KẾ HOẠCH , ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG NĂM 2019

Trước những diễn biến kinh tế khó lường, Công ty dự báo tình hình thị trường năm 2019 sẽ có những biến động lớn mang thiên hướng bất lợi cho việc SXKD của Công ty. Tính đến thời điểm hiện tại có trên 40 nhà sản xuất bột đá lớn (một số nhà máy sản xuất hạt taical là các khách hàng lớn của Công ty cũng tham gia vào đầu tư sản xuất bột đá) khiến cho tổng công suất sản xuất trong nước ước tính khoảng 4,5 đến 5 triệu tấn năm. Sự xuất hiện ngày càng nhiều hơn những nhà sản xuất mới trong cùng ngành hàng gây ra áp lực cạnh tranh rất lớn trên thị trường cả về giá lẫn sản lượng tiêu thụ. Mặt khác, thị trường của các sản phẩm Sơn, Nhựa, Cao Su, Giấy, v.v – là các sản phẩm có sử dụng bột đá của Công ty – hiện tại đang có chiều hướng trầm lắng xuống khiến mức tiêu thụ bột đá cũng giảm theo, ước tính lượng cầu trong nước năm 2019 khoảng 1,8 đến 2,3 triệu tấn. Giá xăng dầu, điện năng tăng và cước vận tải quốc tế có xu hướng tăng sẽ làm giảm lợi nhuận gộp của Công ty. Hơn nữa, chính sách thuế, phí của Nhà nước không ổn định (Thuế tài nguyên, phí môi trường, tiền cấp quyền khai thác tăng) cũng là một bất lợi trong cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Xác định năm 2019 tới đặc biệt khó khăn đối với hoạt động SXKD của Công ty, vì vậy, HĐQT quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2019. Đặc biệt, Công ty vẫn sẽ quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV Công ty, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông, tạo một thương hiệu tốt trên sàn chứng khoán và các khách hàng.

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm	
		2018	Kế hoạch năm 2019
Sản lượng sản xuất	Tấn	112,552	108,800
Sản lượng tiêu thụ	Triệu đồng	117,887	108,800
Doanh thu thuần	Triệu đồng	144,586	160,011
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11,446	9.509
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10,790	9.027
Cổ tức	Triệu đồng	20%	>=20%

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN NĂM 2019

» Duy trì ổn định SXKD, tiếp tục đẩy mạnh công tác thị trường và quảng bá thương hiệu, trong đó đặc biệt tập trung cho thị trường tiêu thụ sản phẩm.

» Xây dựng phương án chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định cho sản xuất, chỉ đạo thực hiện tốt các biện pháp tăng sản lượng khai thác mỏ Châu Quang.

» Thực hiện tốt công tác công nghệ kỹ thuật, tổ chức bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời, bảo đảm có hiệu quả MMTB cho sản xuất; đẩy mạnh công tác sáng kiến CTKT, thay đổi một số khâu sản xuất để giảm giá thành, nâng cao hiệu quả. Tăng cường kiểm tra để ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm.

» Tiếp tục nghiên cứu mở rộng đầu tư khi có cơ hội, chủ động nghiên cứu, tính toán và triển khai thực hiện đầu tư dây chuyền nghiền mịn. Tìm hiểu, hoàn thiện đầy đủ các thủ tục pháp lý của mỏ Châu Quang

» Tập trung hoàn thiện cơ chế quản lý nội bộ đảm bảo hoạt động của bộ máy quản lý, điều hành thống nhất và hiệu quả, nhất là các quy trình thủ tục quản lý nội bộ về định mức, thanh quyết toán, quản lý hàng hoá, vật tư, nguyên nhiên liệu, quản lý chất lượng sản phẩm...

» Thực hiện tốt công tác tài chính- kế toán; tích cực tìm kiếm các giải pháp về vốn như thu hồi công nợ khách hàng, huy động vốn từ các tổ chức tín dụng để đảm bảo vốn cho SXKD,

cho đầu tư kịp thời. Quản lý chi phí theo định mức KTKT, định mức lao động- đơn giá tiền lương, định mức chi phí đã được duyệt

» Đảm bảo đầy đủ, kịp thời mọi chế độ cho người lao động, thường xuyên quan tâm đến công tác ATLĐ, VSLE và cải thiện môi trường, điều kiện làm việc. thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất, khai thác và tham gia giao thông.

» Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT, ban hành kịp thời các nghị quyết, quyết định lãnh đạo quản lý và giải quyết các vấn đề cần thiết; thực hiện nghiêm chỉnh chế độ đôn đốc, kiểm tra, giám sát Ban điều hành trong việc chấp hành các quy định của pháp luật, các nghị quyết của ĐHCĐ, Hội đồng quản trị.





BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS, BGD

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu nắm giữ			
			Đại diện	Tỷ lệ (%)	Cá nhân	Tỷ lệ (%)
1	Ông Đinh Xuân Tụ	Chủ tịch HĐQT	8,000	0.28
2	Ông Lê Đình Hùng	Thành viên HĐQT	440,000	15.44	5,000	0.18
3	Ông Lê Văn Chiến	Thành viên HĐQT	-	-	4,000	0.14
4	Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT	-	-	5,000	0.18
5	Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên HĐQT	-	-	96,100	3.37

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban. Hội đồng quản trị có 1 thư ký để giúp HĐQT các công việc chuyên môn.

CÁC CUỘC HỌP VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

Trong năm 2018, HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu đã tiến hành 04 cuộc họp HĐQT để thảo luận và thông qua các nội dung quan trọng trong kế hoạch SXKD năm 2018.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Võ Văn Hiệp	Chủ tịch HĐQT	0	0	Miễn nhiệm
2	Ông Đinh Xuân Tụ	Chủ tịch HĐQT	04	100%	
3	Ông Hoàng Trọng Diên	Thành viên HĐQT	02	50%	Miễn nhiệm
4	Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	0	0	Miễn nhiệm
5	Ông Nguyễn Văn Chương	Thành viên HĐQT	0	0	Miễn nhiệm
3	Ông Lê Văn Chiến	Thành viên HĐQT	03	75%	Bận công tác
4	Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên HĐQT	04	100%	
5	Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên HĐQT	03	75%	ốm
6	Ông Lê Đình Hùng	Thành viên HĐQT	01	25%	chưa bổ nhiệm

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BGD ĐƯỢC THỰC HIỆN:

- » Kiểm tra giám sát hồ sơ quyết toán năm 2018
- » Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018
- » Trong suốt nhiệm kỳ, HĐQT đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông về các vấn đề mà đại hội giao phó.

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT BAN HÀNH TRONG NĂM:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	Số 10/2018/QĐ-HĐQT	23/3/2018	Bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty
2	Số 05/2018/NQ-HĐQT	24/4/2018	- Thông qua BC Tài chính Quý I, Kế hoạch SXKD Quý II/2018 - Thông qua miễn nhiệm, bổ nhiệm các chức danh quản lý công ty - Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung 2018; Quy chế quản trị công ty
3	Số 06/2018/NQ-HĐQT	24/4/2018	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
4	Số 07/2018/NQ-HĐQT	24/4/2018	Về việc tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2018
5	Số 15/2018/QĐ-HĐQT	30/4/2018	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với Ông Nguyễn Văn Chương
6	Số 16/2018/QĐ-HĐQT	30/4/2018	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với Bà Lưu Thị Thu
7	Số 17/2018/QĐ-HĐQT	30/4/2018	Về việc thay đổi Người được ủy quyền công bố thông tin
8	Số 18/2018/QĐ-HĐQT	01/5/2018	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
9	Số 28/2018/QĐ-HĐQT	31/5/2018	Bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty
10	Số 07/2018/NQ-HĐQT	20/7/2018	- Thông qua báo cáo quyết toán tài chính và chi phí sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III/2018 - Chủ trương công tác đầu tư năm 2018
11	Số 10/2018/NQ-HĐQT	20/7/2018	- Thông qua kế hoạch tổ chức đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
12	Số 14/2018/NQ-HĐQT	15/9/2018	- Thông qua miễn nhiệm chức vụ giám đốc công ty đối với ông Hoàng Trọng Diên, chỉ định ông Lê Đình Hùng làm giám đốc công ty kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2018. - Thông qua miễn nhiệm chức danh trưởng phòng tổ chức hành chính và người phụ trách quản trị công ty đối với ông Nguyễn Trung Hòa - Bổ nhiệm ông Lê Xuân Chiêu làm quyền trưởng phòng tổ chức hành chính kiêm người phụ trách quản trị công ty.
13	Số 15b/2018/NQ-HĐQT	15/9/2018	- Thay đổi người đại diện pháp luật công ty từ ông Hoàng Trọng Diên sang ông Lê Đình Hùng
14	Số 17/2018/NQ-HĐQT	29/10/2018	- Thông qua báo cáo quyết toán tài chính 9 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV/2018. - Thông qua dự kiến chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. - Thông qua miễn nhiệm chức danh trưởng phòng kế hoạch của đồng chí Nguyễn Trung Thành.

BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BKS

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Minh Hưng	Trưởng BKS	0	0
2	Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên BKS	10,000	0.35%
3	Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên BKS	0	0

TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ NỘI DUNG CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS

Trong năm 2018, BKS đã thực hiện 2 phiên họp với 100% số lượng thành viên tham dự. Ngoài ra các thành viên BKS còn thường xuyên trao đổi công việc qua điện thoại, email, ... để làm rõ những vấn đề chuyên môn liên quan và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Trần Minh Hưng	Trưởng BKS	2/2	100%	
2	Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên BKS	2/2	100%	
3	Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên BKS	2/2	100%	

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS:

Kiểm soát công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh sản xuất của HĐQT và BDH đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết HĐQT. Đảm bảo kế hoạch SXKD được triển khai theo đúng mục tiêu chiến lược kế hoạch đã đưa ra trong các kỳ Đại hội và các cuộc họp của HĐQT. Các vấn đề mang tính chiến lược hoặc vấn đề lớn của Công ty đều được HĐQT thông qua các cuộc họp HĐQT và nhận được sự thống nhất rất cao từ các thành viên HĐQT như ngày 15/9/2018: Thông qua miễn nhiệm chức vụ giám đốc Công ty đối với ông Hoàng Trọng Diên, chỉ định ông Lê Đình Hùng làm giám đốc. Kiểm soát BCTC: Giám sát BDH trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các BCTC quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; thẩm định BCTC trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình ĐHCĐ thường niên. Giám sát việc thực thi

công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông. Thực hiện nhiệm vụ giám sát, BKS đã tham dự các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban TGD ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của ĐHCĐ. Trong các cuộc họp, BKS tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty. Đối với cổ đông BKS không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

KIẾN NGHỊ CỦA BKS

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, BKS đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- » Tiếp tục nâng cao vai trò của Hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, giảm thiểu sai sót, nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong SXKD;
- » Tăng cường công tác quản lý và điều hành, khai thác hiệu quả các dự án đầu tư trong đó Dự án mở Châu Hồng là trọng điểm.
- » Trong công tác điều hành, Ban Giám đốc cần có biện pháp thay đổi cấu vốn để nâng cao hiệu quả đầu tư, mang lại hiệu quả sản xuất hơn nữa cho Công ty.
- » Tăng cường công tác thu hồi công nợ, trong năm 2018, số phải thu khách hàng vẫn còn lớn, vẫn còn 1 số khách hàng nợ quá hạn, chưa thu hồi được.
- » Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, tránh phát sinh sản phẩm lỗi phải bồi thường cho khách hàng.
- » Đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.
- » Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của BKS theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa, hạn chế sai sót trong mọi hoạt động nhất là hoạt động tài chính.
- » Thường xuyên phối hợp giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể, công đoàn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS ĐỐI VỚI 2019

Trong năm 2019, BKS tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- » Tiếp tục kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và cẩn trọng trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn, vật tư, tài sản... của Công ty.
- » Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm của Công ty: Kiểm tra và tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ kế toán, báo cáo tài chính của Công ty;
- » Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Công ty về: Tình hình tài chính, SXKD, đầu tư XDCCB, các phương án phát triển, các công tác quản lý về tổ chức lao động, tiền lương, các chế độ khác liên quan đến công ty và tập thể người lao động;
- » Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số cuộc họp khác của Công ty;
- » Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc và các phòng ban trong Công ty với mục đích chung là thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- » Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

GIAO DỊCH, THÙ LAO

THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

353,337,531 đồng/ 6 thành viên

THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT, THƯ KÍ HĐQT

112,539,176 đồng/ 4 thành viên

THÙ LAO CỦA GIÁM ĐỐC

652,393,141 đồng/ 2 thành viên





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững

Chỉ tiêu phát triển bền vững

MỤC TIÊU CHUNG

Nguồn gốc chủ yếu sự biến đổi môi trường sống là các hoạt động của con người trong tự nhiên và xã hội nhằm mục tiêu cải thiện không ngừng chất lượng cuộc sống về kinh tế và văn hóa, về vật chất và tinh thần. Phát triển là yêu cầu của cuộc sống, là quy luật khách quan của tiến hóa nhân loại đã và đang diễn ra trên hành tinh của chúng ta. Nhưng quan trọng là phát triển bền vững phải là sự phát triển đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại khả năng đáp ứng các nhu cầu của các thế hệ tương lai



Những nguyên tắc duy trì phát triển bền vững dựa trên cơ sở những mục tiêu trên và tham khảo các nguyên tắc phát triển bền vững của Liên hiệp quốc:

- » Tôn trọng và quan tâm đến cuộc sống cộng đồng của khu vực hoạt động kinh doanh
- » Đảm bảo song song lợi ích của cổ đông, phát triển đất nước và cải thiện chất lượng đời sống người lao động
- » Bảo vệ sự đa dạng tài nguyên khoáng sản
- » Thay đổi thái độ và thói quen sống của người lao động về tác động của con người đến hoạt động khai thác tác động vào tự nhiên
- » Nâng cao ý thức tự quản lý hoạt động bảo vệ môi trường của mỗi cá nhân người lao động

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CHÍNH SÁCH TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG ĐIỆN VÀ NƯỚC

Năm 2018. Công ty tiếp tục tích cực thông qua các sáng kiến sử dụng tiết kiệm năng lượng điện và nước hiệu quả. Quán triệt cho toàn thể người lao động và công nhân viên ý thức tiết kiệm điện, nước tại cơ quan và gia đình: Tổng chi phí sử dụng điện năm 2018 chiếm 14.21%, chi phí sử dụng nước chiếm 0.11% tổng giá vốn hàng bán năm 2018 của Công ty. Công ty đã chú trọng xây dựng các giải pháp và quy định sử dụng điện như:

- » Ngắt nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc
- » Tận dụng tối đa ánh sáng và hệ thống thông gió tự nhiên
- » Chỉ sử dụng điều hòa khi nhiệt độ thật cần thiết
- » Nhiệt độ làm mát thấp nhất được cho phép là 25 độ C
- » Lựa chọn sử dụng, mua mới các thiết bị có hiệu suất năng lượng cao hơn theo nhãn tiết kiệm năng lượng khi buộc phải đầu tư, trang bị phương tiện, dụng cụ mới
- » Nghiên cứu thiết kế hệ thống tuần hoàn nước để giảm tiêu hao nước ở mức thấp nhất
- » Thường xuyên kiểm tra thiết bị máy móc, dây dẫn, thiết bị điện đảm bảo không rò rỉ, thất thoát và an toàn trong sản xuất

Điện và nước của Công ty chủ yếu được sử dụng tại 2 mỏ sản xuất, việc cung cấp được lấy từ các nguồn :

- » Nguồn điện được cung cấp bởi Tổng công ty Điện Lực Miền Bắc- Công ty Điện Lực Nghệ An – Điện lực Cửa Lò.
- » Nguồn nước máy được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Cấp nước Cửa Lò

Những biện pháp phát được Công ty xây dựng và duy trì dựa trên nhận thức về những thách thức cho hoạt động phát triển bền vững:

- » Chủ động thay thế công nghệ lạc hậu bằng công nghệ sạch, hiện đại hơn cho quá trình sản xuất, khai thác và chế biến
- » Giảm thiểu lượng tiêu hao tài nguyên thiên nhiên và năng lượng tối đa, tránh lãng phí
- » Áp dụng công nghệ mới ít hoặc không phế thải
- » Hạn chế việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch và đẩy mạnh việc sử dụng các nguồn năng lượng mới
- » Đầu tư cho đào tạo và phát triển con người, nâng cao trình độ chuyên môn đội ngũ lao động tại Công ty
- » Nghiên cứu và áp dụng các giải pháp, chính sách quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Công ty.

Nhân sự Công ty chiếm đa số là công nhân lao động do đặc thù của ngành nghề khai thác khoáng sản. Ngành này đòi hỏi sức khỏe và làm việc trong môi trường nguy hiểm và độc hại, chính vì vậy số lượng lao động phổ thông và công nhân buộc phải chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu trình độ lao động của Công ty

Công ty luôn duy trì hướng đến một môi trường lao động tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình. Đảm bảo tốt các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và các chế độ theo quy định của Nhà nước: Chính sách lương, thưởng, phúc lợi phù hợp với quy định của Công ty đồng thời đảm bảo mỗi cán bộ, nhân viên ở các bộ phận khác nhau sẽ được hưởng thu nhập tương xứng với công việc mà mình đảm nhận.

Bên cạnh đó, Ban giám đốc cũng chú trọng, quan tâm đến vấn đề đời sống của người lao động: Lương tháng 13, thưởng Tết, thưởng các dịp lễ lớn, thưởng tiết giảm chi phí, thưởng hiệu quả công việc,...là các hoạt động hàng năm được Công ty chú trọng và chăm lo. Các phúc lợi khác của người lao động trong Công ty được đảm bảo như: hỗ trợ lao động nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ, ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thai sản, nghỉ dưỡng hàng năm,... Công ty luôn tạo mọi điều kiện để Công đoàn chăm lo cho người lao động tốt nhất theo đúng quy định.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO:

Công nhân trực tiếp sản xuất tại Công ty được chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề và tham gia các hoạt động tập huấn, đảm bảo tiêu chuẩn lao động đáp ứng tốt nhất yêu cầu chuyên môn của công việc tại Công ty.





CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐỊA PHƯƠNG VÀ MÔI TRƯỜNG

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương là một trong những sứ mệnh của Công ty, Công ty hành động và luôn đồng hành cùng các hoạt động thiết thực với xã hội với mong muốn nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ của đất nước, duy trì nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng địa phương nơi Công ty có lợi ích hoạt động.

- » Tuân thủ quy trình khai thác, tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động và đảm bảo công tác bảo vệ môi trường tại các mỏ khai khoáng và vùng lân cận.
- » Duy trì thường xuyên công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh trong các nhà máy.
- » Kiểm tra định kỳ các hạng mục xử lý chất thải theo cam kết.
- » Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động tại Công ty.
- » Quan tâm đến việc hỗ trợ nhân dân, những trường hợp khó khăn trong địa bàn nơi Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của Công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

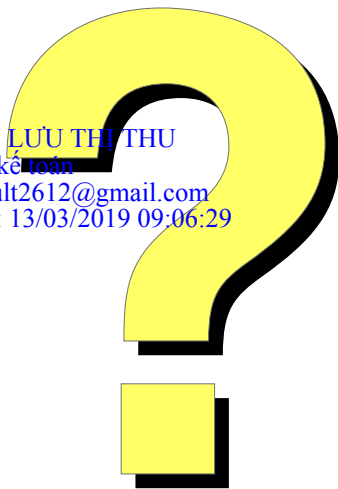
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
(đã được kiểm toán)

Signature Not Verified

Người ký: LUU THI THU
Chức vụ: kế toán
Email: thult2612@gmail.com
Thời gian: 13/03/2019 09:06:29



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 32
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2703001715 cấp ngày 28/12/2007 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An. Ngày 29/5/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2900859599 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/09/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Xuân Tự	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 24 tháng 03 năm 2018)
Ông Võ Văn Hiệp	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 24 tháng 03 năm 2018)
Ông Lê Đình Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2018)
Ông Hoàng Trọng Diên	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2018)
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	
Ông Lê Văn Chiến	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24 tháng 03 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24 tháng 03 năm 2018)
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24 tháng 03 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Chương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24 tháng 03 năm 2018)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Đình Hùng	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2018)
Ông Hoàng Trọng Diên	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2018)
Ông Lê Văn Chiến	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2018)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Minh Hưng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên
Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu

Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Đình Hưng

Giám đốc

Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu được lập ngày 13 tháng 03 năm 2019, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 10 cho thấy Công ty đang ghi nhận phí cấp quyền khai thác khoáng sản của mỏ Châu Hồng vào chi phí sản xuất năm 2018 với số tiền là 624,8 triệu đồng. Trong khi đó, số tiền phí cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho năm 2018 theo Thông báo số 250/TB-CT ngày 24/01/2018 của Cục thuế Nghệ An là 3,38 tỷ đồng. Số tiền còn lại đang được Công ty phân ánh trên chỉ tiêu Chi phí trả trước dài hạn.

Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính thông thường, chúng tôi không thể thu thập đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để có thể xác định được tổng chi phí cấp quyền khai thác của mỏ Châu Hồng phải nộp cho toàn bộ thời gian được cấp quyền khai thác khoáng sản và chi phí cần ghi nhận vào chi phí sản xuất năm 2018 là bao nhiêu. Do đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

- Công ty chưa trích đầy đủ chi phí hoàn nguyên môi trường các mỏ đá đang được cấp phép khai thác theo các đề án về cải tạo phục hồi môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An phê duyệt. Nếu Công ty trích chi phí hoàn nguyên môi trường đầy đủ theo thời gian khai thác thì tổng chi phí hoàn nguyên môi trường cần trích bổ sung lũy kế đến 31/12/2018 là 1,21 tỷ đồng. Nếu công ty ghi nhận đầy đủ theo quy định thì trên Bảng Cân đối kế toán, chỉ tiêu "Dự phòng phải trả dài hạn" sẽ tăng lên 1,21 tỷ đồng, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi số tiền tương ứng và trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, chỉ tiêu "Lợi nhuận kế toán trước thuế" năm 2018 sẽ tăng lên 425 triệu đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau:

Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để nhận chuyển tên quyền khai thác đá vôi trắng tại mỏ đá Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An (Chi tiết Thuyết minh số 31).

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC). Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này về vấn đề Công ty xác định sai mức thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hàng hóa xuất khẩu dẫn tới phần thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ tương ứng đối với các sản phẩm xuất khẩu sẽ không được khấu trừ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2019

Phan Bá Cường

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 3639-2016-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		35.026.146.786	34.377.882.998
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.688.016.471	259.287.553
111 1. Tiền		1.688.016.471	259.287.553
130 II. Các khoản phải thu ngắn hạn		23.141.697.851	22.684.823.586
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	22.603.620.312	22.243.274.763
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		133.885.250	-
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	5	486.616.414	573.972.948
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(82.424.125)	(132.424.125)
140 III. Hàng tồn kho	7	9.605.884.057	10.784.391.611
141 1. Hàng tồn kho		9.605.884.057	10.784.391.611
150 IV. Tài sản ngắn hạn khác		590.548.407	649.380.248
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	588.852.252	641.877.500
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	1.696.155	7.502.748
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		50.927.653.339	54.156.874.736
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		1.790.440.245	1.455.728.341
216 1. Phải thu dài hạn khác	5	1.790.440.245	1.455.728.341
220 II. Tài sản cố định		43.317.601.954	49.467.898.514
221 1. Tài sản cố định hữu hình	8	40.962.162.915	46.954.037.683
222 - Nguyên giá		84.552.930.755	84.014.890.755
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(43.590.767.840)	(37.060.853.072)
227 2. Tài sản cố định vô hình	9	2.355.439.039	2.513.860.831
228 - Nguyên giá		3.200.254.101	3.200.254.101
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(844.815.062)	(686.393.270)
240 III. Tài sản dở dang dài hạn		131.863.047	-
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		131.863.047	-
260 IV. Tài sản dài hạn khác		5.687.748.093	3.233.247.881
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	10	5.687.748.093	3.233.247.881
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		85.953.800.125	88.534.757.734

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		39.025.814.325	40.915.694.197
310 I. Nợ ngắn hạn		35.670.616.714	36.578.394.197
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	18.711.786.223	14.392.727.413
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		210.091.700	244.621.900
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.724.039.226	3.485.128.430
314 4. Phải trả người lao động		2.553.067.516	5.807.062.335
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	419.545.024	224.953.229
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	15	450.755.602	732.999.913
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	10.598.547.526	11.683.947.834
322 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.783.897	6.953.143
330 II. Nợ dài hạn		3.355.197.611	4.337.300.000
338 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	2.713.500.000	4.337.300.000
342 2. Dự phòng phải trả dài hạn	16	641.697.611	-
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		46.927.985.800	47.619.063.537
410 I. Vốn chủ sở hữu		46.927.985.800	47.619.063.537
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu	17	28.500.000.000	28.500.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		28.500.000.000	28.500.000.000
418 2. Quỹ đầu tư phát triển		10.503.374.795	9.925.898.014
421 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.924.611.005	9.193.165.523
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(2.865.142.012)	(1.238.812.266)
421b - LNST chưa phân phối năm nay		10.789.753.017	10.431.977.789
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		85.953.800.125	88.534.757.734



Lưu Thị Thu
 Người lập biểu
 Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2019



Lưu Thị Thu
 Kế toán trưởng




 Lê Đình Hùng
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	144.586.012.825	147.497.010.879
10 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		144.586.012.825	147.497.010.879
11 3. Giá vốn hàng bán	20	82.351.013.110	88.324.704.717
20 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		62.234.999.715	59.172.306.162
21 5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	89.009.112	205.207.717
22 6. Chi phí tài chính	22	1.454.069.159	915.707.845
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		1.245.280.711	726.879.006
25 7. Chi phí bán hàng	23	39.562.042.044	38.779.074.086
26 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	9.031.562.864	8.462.194.160
30 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.276.334.760	11.220.537.788
31 10. Thu nhập khác		11.920	205.222
32 11. Chi phí khác	25	830.301.169	211.071.908
40 12. Lợi nhuận khác		(830.289.249)	(210.866.686)
50 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.446.045.511	11.009.671.102
51 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	656.292.494	577.693.313
60 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10.789.753.017	10.431.977.789
70 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	3.336	3.132



Lưu Thị Thu
 Người lập biểu
 Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2019



Lưu Thị Thu
 Kế toán trưởng



Lê Đình Hùng
 Giám đốc

11/1/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	152.766.634.161	155.318.435.626
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(98.085.879.880)	(106.989.136.669)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(22.289.526.971)	(26.906.110.336)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(1.244.334.919)	(712.470.457)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(599.940.265)	(595.779.579)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	84.823.023	1.533.371.622
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(16.098.541.847)	(9.525.326.239)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	14.533.233.302	12.122.983.968
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(538.040.000)	(9.691.014.094)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.983.994	5.862.084
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(533.056.006)	(9.685.152.010)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	37.083.879.226	43.656.071.052
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(39.974.488.231)	(38.966.267.310)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(9.680.667.500)	(9.975.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(12.571.276.505)	(5.285.196.258)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.428.900.791	(2.847.364.300)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	259.287.553	3.106.708.811
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(171.873)	(56.958)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 1.688.016.471	259.287.553



Lưu Thị Thu
 Người lập biểu
 Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2019



Lưu Thị Thu
 Kế toán trưởng



Lê Đình Hùng
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2703001715 cấp ngày 28/12/2007 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An. Ngày 29/5/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2900859599 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/09/2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô 32, Khu C, Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Vốn điều lệ của Công ty là 28.500.000.000 VNĐ (Hai mươi tám tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và chế biến sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại;
- Bán buôn và bán lẻ sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2018, do sự cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành tăng cao nên doanh thu sụt giảm so với năm 2017. Đồng thời trong năm 2018 sản lượng đá khai thác tại mỏ Châu Hồng giảm, Công ty phải mua ngoài bổ sung nguyên vật liệu sản xuất dẫn đến giá vốn tăng cao. Bên cạnh đó chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí cấp phép khai thác mỏ tăng lên so với năm 2017 làm giá thành trung bình tăng. Để khắc phục tình trạng này, Công ty đã ban hành quy chế lương mới nhằm giảm giá thành sản phẩm. Đồng thời, Công ty điều chỉnh hồi tố chi phí thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của năm 2017 vào Giá vốn hàng bán năm 2017, do đó lợi nhuận năm 2018 vẫn tăng so với năm 2017.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 12 năm
- Các tài sản khác	04 năm
- Quyền khai thác mỏ	20 năm
- Tài sản vô hình khác	06 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay và các chi phí sử dụng dịch vụ khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Công ty hoạt động tại Khu công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó Công ty được hưởng ưu đãi với thuế suất thuế TNDN 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn (04) năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2020). Năm 2018 là năm thứ 11 Công ty áp dụng mức thuế 10% và là năm thứ 07 Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp. Theo đó thuế suất thuế TNDN sau ưu đãi năm 2018 của Công ty là 5%.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	65.907.352	38.901.556
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.622.109.119	220.385.997
	<u>1.688.016.471</u>	<u>259.287.553</u>

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty 4 Oranges Co., Ltd	3.290.278.000	-	4.905.172.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Năm Châu	2.407.174.255	-	1.130.232.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Tiến Hưng	2.283.321.051	-	1.392.460.051	-
Công ty TNHH Hiệp Mậu	2.202.494.243	-	647.484.000	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Hoá Chất Minh Khang	2.147.840.000	-	2.145.685.000	-
Các đối tượng khác	10.272.512.763	(82.424.125)	12.022.241.712	(132.424.125)
	<u>22.603.620.312</u>	<u>(82.424.125)</u>	<u>22.243.274.763</u>	<u>(132.424.125)</u>

5 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu người lao động	161.700.000	-	251.000.000	-
Tạm ứng	98.925.735	-	172.940.283	-
Phải thu khác	225.990.679	-	150.032.665	-
	<u>486.616.414</u>	<u>-</u>	<u>573.972.948</u>	<u>-</u>

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
Ký quỹ phục hồi môi trường	1.684.987.645	-	1.392.940.641	-
Lãi ký quỹ, phục hồi môi trường	105.452.600	-	62.787.700	-
	1.790.440.245	-	1.455.728.341	-

6 . NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	82.424.125	-	132.424.125	-
- Công ty TNHH Thuận Lợi	82.424.125	-	132.424.125	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.154.015.270	-	6.575.862.425	-
Công cụ, dụng cụ	50.212.377	-	139.245.127	-
Thành phẩm	3.384.784.627	-	4.052.412.276	-
Hàng hóa	16.871.783	-	16.871.783	-
	9.605.884.057	-	10.784.391.611	-

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	27.020.846.973	48.394.750.469	8.518.960.015	80.333.298	84.014.890.755
- Mua trong năm	-	193.800.000	296.590.000	47.650.000	538.040.000
- Phân loại lại	-	(110.863.133)	110.863.133	-	-
Số dư cuối năm	27.020.846.973	48.477.687.336	8.926.413.148	127.983.298	84.552.930.755
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.814.864.152	24.704.481.260	3.475.280.408	66.227.252	37.060.853.072
- Khấu hao trong năm	1.771.261.536	3.800.010.630	941.924.026	16.718.576	6.529.914.768
- Phân loại lại	-	(79.811.204)	79.811.204	-	-
Số dư cuối năm	10.586.125.688	28.424.680.686	4.497.015.638	82.945.828	43.590.767.840
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	18.205.982.821	23.690.269.209	5.043.679.607	14.106.046	46.954.037.683
Tại ngày cuối năm	16.434.721.285	20.053.006.650	4.429.397.510	45.037.470	40.962.162.915

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.292.350.273 VND.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 6.357.923.424 VND.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền Khai thác mỏ (*) VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	3.168.435.919	31.818.182	3.200.254.101
Số dư cuối năm	3.168.435.919	31.818.182	3.200.254.101
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	654.575.088	31.818.182	686.393.270
Khấu hao trong năm	158.421.792	-	158.421.792
Số dư cuối năm	812.996.880	31.818.182	844.815.062
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	2.513.860.831	-	2.513.860.831
Tại ngày cuối năm	2.355.439.039	-	2.355.439.039

(*) Quyền khai thác đối với mỏ đá hoa thuộc khu vực Bàn Ngọc, xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An theo giấy phép số 1136/GP-BTNMT ngày 15/05/2015 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. Quyền khai thác mỏ Châu Hồng bao gồm các chi phí thiết kế thi công mỏ, chi phí khảo sát thăm dò mỏ và các chi phí khác phục vụ hoạt động xin cấp phép mỏ đá.

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 31.818.182 VND.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	289.201.896	165.423.297
Chi phí bảo hiểm	55.827.166	71.621.556
Chi phí vận chuyển	223.145.455	350.288.177
Các khoản khác	20.677.735	54.544.470
	588.852.252	641.877.500
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	148.682.093	420.964.643
Chi phí sửa chữa	-	28.934.238
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ Châu Hồng (i)	5.539.066.000	2.783.349.000
	5.687.748.093	3.233.247.881

(i) Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ Châu Hồng cụ thể như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Số dư đầu năm	2.783.349.000	2.272.122.000
Phát sinh trong năm	-	1.136.061.000
- Theo Giấy phép khai thác khoáng sản	-	1.136.061.000
- Theo thông báo của Cục Thuế Nghệ An	3.380.551.000	-
+ Số đã nộp	1.136.061.000	-
+ Số chưa nộp	2.244.490.000	-
Số phân bổ trong năm	(624.834.000)	(624.834.000)
- Phân bổ vào chi phí sản xuất theo Giấy phép khai thác	(624.834.000)	(624.834.000)
Số dư cuối năm	5.539.066.000	2.783.349.000

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 1136/GP-BTNMT ngày 15/05/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép khai thác đá hoa bằng phương pháp lộ thiên tại Khu vực Bàn Ngọc, xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An ("mỏ Châu Hồng"), tổng tiền phí cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp là 12,497 tỷ đồng, nộp trong 11 năm từ năm 2015 đến năm 2025, số tiền phải nộp hàng năm là 1,136 tỷ đồng. Số tiền này được phân bổ đều trong suốt thời hạn khai thác mỏ là 22 năm, số phân bổ vào chi phí sản xuất hàng năm là 624,834 triệu đồng.

Theo Thông báo số 250/TB-CT ngày 24/01/2018 của Cục thuế Nghệ An về việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2018, tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 2018 của mỏ Châu Hồng là 3,38 tỷ đồng. Từ năm 2018 trở đi, khoản chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản này phụ thuộc vào thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

Công ty tạm phân bổ chi phí cấp quyền khai thác vào giá thành sản xuất năm 2018 tương tự năm 2017. Khoản phí cấp quyền khai thác khoáng sản còn lại sẽ được phân bổ phù hợp sau khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ Phần Nhật Việt	4.814.913.868	4.814.913.868	2.842.774.572	2.842.774.572
Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp Vận Toàn Cầu	2.762.025.000	2.762.025.000	3.946.661.086	3.946.661.086
Công ty TNHH Chính Nghĩa	2.659.359.800	2.659.359.800	790.381.992	790.381.992
Công ty Cổ phần Bao bì Nghệ An	2.396.541.736	2.396.541.736	714.117.035	714.117.035
Các đối tượng khác	6.078.945.819	6.078.945.819	6.098.792.728	6.098.792.728
	18.711.786.223	18.711.786.223	14.392.727.413	14.392.727.413
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	696.666.668	696.666.668	443.333.331	443.333.331
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)</i>				

12 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	8.857.976.050	8.857.976.050	10.292.320.332	19.150.296.382	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh	1.202.171.784	1.202.171.784	-	1.202.171.784	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (i)	-	-	26.994.490.159	18.019.742.633	8.974.747.526	8.974.747.526
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.623.800.000	1.623.800.000	1.623.800.000	1.623.800.000	1.623.800.000	1.623.800.000
	11.683.947.834	11.683.947.834	38.910.610.491	39.996.010.799	10.598.547.526	10.598.547.526
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (ii)	5.961.100.000	5.961.100.000	-	1.623.800.000	4.337.300.000	4.337.300.000
	5.961.100.000	5.961.100.000	-	1.623.800.000	4.337.300.000	4.337.300.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.623.800.000)	(1.623.800.000)	(1.623.800.000)	(1.623.800.000)	(1.623.800.000)	(1.623.800.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	4.337.300.000	4.337.300.000			2.713.500.000	2.713.500.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(i) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2018-HĐCVHM/NHCT442-AMC ngày 17/01/2018 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng, bao gồm cả VNĐ và ngoại tệ quy đổi, mục đích để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất quy định theo từng kế ước nhận nợ tại từng thời điểm. Hình thức vay tín chấp. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2018 là 8.974.747.526 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(ii) Bao gồm các hợp đồng cho vay sau:

Hợp đồng cho vay 05/2017/5068/AMC ngày 29/06/2017, trong đó số tiền cho vay là 2.117.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8,5% năm. Khoản vay nhằm mục đích mua xe Toyota Landcruiser Prado theo hợp đồng mua xe ô số 33/HĐKT ngày 04/04/2017. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2018 là 1.481.900.000 đồng (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 423.400.000 đồng).

Hợp đồng cho vay 05/2017/5168/AMC ngày 05/07/2017, trong đó số tiền cho vay là 2.635.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8,6% năm. Khoản vay nhằm mục đích mua 02 máy đào bánh xích KOMATSU theo hợp đồng kinh tế số 107/17/HĐMB ngày 01/07/2017. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2018 là 1.844.500.000 đồng (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 527.000.000 đồng).

Hợp đồng cho vay 05/2017/5268/AMC ngày 17/07/2017, trong đó số tiền cho vay là 556.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 8,6% năm. Khoản vay nhằm mục đích mua máy nén khí trục vít BKYC-12/12, máy khoan đá tự hành YC 910B theo hợp đồng mua bán số KS-201706001. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2018 là 277.960.000 đồng (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 185.360.000 đồng).

Hợp đồng cho vay 05/2017/5368/AMC ngày 18/07/2017, trong đó số tiền cho vay là 935.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 8,6% năm. Khoản vay nhằm mục đích mua xe ô tô tải hiệu HOWO theo hợp đồng kinh tế số 1707/PT-AC/2017 ngày 17/07/2017. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2018 là 467.540.000 đồng (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 311.640.000 đồng).

Hợp đồng cho vay 05/2017/5370/AMC ngày 24/07/2017, trong đó số tiền cho vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 8,6% năm. Khoản vay nhằm mục đích mua búa đập thủy lực JSUNG JSB 60D theo hợp đồng số 65/HĐKT ngày 21/07/2017. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2018 là 75.000.000 đồng (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 50.000.000 đồng).

Hợp đồng cho vay 05/2017/5069/AMC ngày 31/07/2017, trong đó số tiền cho vay là 380.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 8,6% năm. Khoản vay nhằm mục đích mua máy đào KOMATSU PC 200LC-LE theo hợp đồng mua bán số 14/HĐMB ngày 02/06/2017. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013 và tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại thời điểm 31/12/2018 là 190.400.000 đồng (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng là 126.400.000 đồng).

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm (Đã điều chỉnh) VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.204.645.858	3.059.980.895	6.167.060.102	-	97.566.651
Thuế xuất, nhập khẩu	7.502.748	-	897.608.284	891.801.691	1.696.155	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.252.236	664.905.356	599.940.265	-	72.217.327
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.310.000	583.978.366	575.816.346	-	10.472.020
Thuế tài nguyên	-	101.888.278	1.648.898.834	1.516.189.983	-	234.597.129
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	148.096.500	254.349.432	384.871.432	-	17.574.500
Các loại thuế khác	-	20.935.558	284.275.682	258.289.641	-	46.921.599
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	-	-	4.312.987.466	2.068.297.466	-	2.244.690.000
	7.502.748	3.485.128.430	11.706.984.315	12.462.266.926	1.696.155	2.724.039.226

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Số thuế còn phải nộp tại 31/12/2018 là có thuế phải nộp tăng thêm năm 2018 so với năm 2017 theo thông báo số 250/TB-CT ngày 24/01/2018 của Cục thuế Nghệ An. Công ty tạm thời chưa nộp số tăng thêm này theo văn bản số 4740/UBND-KT ngày 02/07/2018 của UBND Tỉnh Nghệ An. Cụ thể, UBND tỉnh đề nghị Cục thuế tỉnh Nghệ An chưa thực hiện cưỡng chế thuế đối với tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mà các doanh nghiệp khai thác đá trắng còn nợ, đồng thời tạm nộp theo khung giá của năm 2017.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.780.096	17.931.949
Chi phí vận chuyển	135.047.730	132.952.728
Chi phí hoa hồng môi giới	181.018.182	-
Chi phí phải trả khác	84.699.016	74.068.552
	419.545.024	224.953.229

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thù lao HĐQT, BKS	258.349.003	247.292.621
Kinh phí công đoàn	60.664.522	6.918.214
Bảo hiểm xã hội	-	79.839.573
Bảo hiểm y tế	-	14.583.172
Bảo hiểm thất nghiệp	-	6.281.524
Phải trả Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	131.742.077	336.169.049
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	41.915.760
	450.755.602	732.999.913

b) Phải trả khác là các bên liên quan
 (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)

131.742.077	336.169.049
--------------------	--------------------

16 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự phòng phải trả chi phí hoàn nguyên môi trường mỏ đá Châu Hồng	361.201.065	-
Dự phòng phải trả chi phí hoàn nguyên môi trường mỏ đá Châu Quang	280.496.546	-
	641.697.611	-

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Đã điều chỉnh)	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	28.500.000.000	8.820.532.346	11.406.038.477	48.726.570.823
Lãi trong năm trước	-	-	10.431.977.789	10.431.977.789
Phân phối lợi nhuận	-	1.105.365.668	(12.644.850.743)	(11.539.485.075)
Số dư cuối năm trước	28.500.000.000	9.925.898.014	9.193.165.523	47.619.063.537
Lãi trong năm nay	-	-	10.789.753.017	10.789.753.017
Phân phối lợi nhuận	-	577.476.781	(12.058.307.535)	(11.480.830.754)
Số dư cuối năm	28.500.000.000	10.503.374.795	7.924.611.005	46.927.985.800

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 03 năm 2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau :

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		12.058.307.535
Trích quỹ đầu tư phát triển	4,79%	577.476.781
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10,00%	1.205.830.754
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	2,49%	300.000.000
Chi trả cổ tức	82,72%	9.975.000.000

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	Tỷ lệ %	01/01/2018 VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	11.400.000.000	40,00	11.400.000.000	40,00
Các cổ đông khác	17.100.000.000	60,00	17.100.000.000	60,00
	28.500.000.000	100,00	28.500.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	28.500.000.000	28.500.000.000
- Vốn góp cuối năm	28.500.000.000	28.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	9.975.000.000	9.975.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	9.975.000.000	9.975.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	9.975.000.000	9.975.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	9.975.000.000	9.975.000.000
- Số dư cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	10.503.374.795	9.925.898.014
	10.503.374.795	9.925.898.014

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê đất của Công ty Phát triển khu công nghiệp Nghệ An tại khu công nghiệp xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc tỉnh Nghệ An và được UBND tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 621731 ngày 31/07/2013. Mục đích sử dụng đất là để xây dựng nhà máy Chế biến bột đá vôi trắng siêu mịn. Diện tích đất thuê là 40.441 m², thời hạn thuê đến ngày 16/02/2054. Tiền thuê đất từ ngày 01/03/2017 theo Thông báo số 3447/TB - CT ngày 28/09/2017 của Cục thuế Nghệ An là 1.552 đồng/1m²/1 năm, thời gian ổn định đơn giá thuê đất là 5 năm kể từ ngày 01/03/2017. Tiền thuê đất trả hàng năm.

Công ty được cấp phép khai thác đối với mỏ đá hoa thuộc khu vực Bản Ngọc, xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An theo giấy phép số 1136/GP-BTNMT ngày 15/05/2015 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. Trong đó, diện tích khu vực khai thác là 12ha và thời hạn khai thác được cấp phép 22 năm kể từ ngày ký giấy phép.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
USD	8.621,47	1.506,79

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	4.738.420.899	16.167.398.923
Doanh thu bán thành phẩm	139.794.455.562	131.219.740.919
Doanh thu vận chuyển	53.136.364	109.871.037
	144.586.012.825	147.497.010.879

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.356.869.744	12.403.959.278
Giá vốn của thành phẩm đã bán	78.949.901.640	75.852.681.883
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	44.241.726	68.063.556
	82.351.013.110	88.324.704.717

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi tiền ký quỹ phục hồi môi trường	47.648.894	45.791.184
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	41.360.218	153.644.915
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	5.771.618
	89.009.112	205.207.717

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.245.280.711	726.879.006
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	202.093.424	174.723.929
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.182.793	-
Chi phí tài chính khác	5.512.231	14.104.910
	1.454.069.159	915.707.845

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ đồ dùng	1.670.820.666	1.259.948.133
Chi phí nhân công	440.347.000	354.236.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.299.015.696	34.148.921.323
Chi phí khác bằng tiền	3.151.858.682	3.015.968.630
	39.562.042.044	38.779.074.086

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ đồ dùng	540.454.488	583.819.143
Chi phí nhân công	5.478.241.796	5.326.588.125
Chi phí khấu hao tài sản cố định	853.459.332	595.312.111
Thuế, phí và lệ phí	130.104.432	66.619.000
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(50.000.000)	39.727.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	664.536.593	741.256.036
Chi phí khác bằng tiền	1.414.766.223	1.108.872.508
	9.031.562.864	8.462.194.160

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Truy thu, phạt chậm nộp thuế	467.172.466	182.065.873
Phạt bồi thường hợp đồng	296.685.800	-
Các khoản khác	66.442.903	29.006.035
	830.301.169	211.071.908

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 (Đã điều chỉnh) VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	11.446.045.511	11.009.671.102
Các khoản điều chỉnh tăng	1.679.938.766	536.598.426
- <i>Thu lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	154.227.602	146.105.588
- <i>Các khoản phạt về thuế, phạt hành chính, phạt chậm nộp</i>	467.172.466	179.357.938
- <i>Chi phí không được trừ</i>	1.058.538.698	211.134.900
Các khoản điều chỉnh giảm	(134.389)	7.596.726
- <i>Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản phải thu, tiền</i>	(134.389)	7.596.726
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.125.849.888	11.553.866.254
Thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi (10%)	1.312.584.989	1.155.386.625
Thuế TNDN được giảm (giảm 50%)	(656.292.495)	(577.693.313)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	656.292.494	577.693.313
Truy thu, phạt thuế TNDN	8.612.862	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	7.252.236	25.338.502
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(599.940.265)	(595.779.579)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	72.217.327	7.252.236

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	10.789.753.017	10.431.977.789
Các khoản điều chỉnh:		
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành</i>	(1.281.000.000)	(1.505.830.753)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.508.753.017	8.926.147.036
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.850.000	2.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.336	3.132

(*) Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi lấy theo tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi được thông qua cho năm 2017 và dự kiến cho năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2018 - 2022 số 03/AMC-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2018.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.384.325.674	33.200.685.195
Chi phí nhân công	17.501.521.346	23.142.172.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.688.336.560	6.254.449.755
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.102.683.094	46.108.363.771
Chi phí khác bằng tiền	14.243.253.951	16.096.285.648
	126.920.120.625	124.801.957.290

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.688.016.471	-	259.287.553	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.880.676.971	(82.424.125)	24.272.976.052	(132.424.125)
	26.568.693.442	(82.424.125)	24.532.263.605	(132.424.125)
			Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			13.312.047.526	16.021.247.834
Phải trả người bán, phải trả khác			19.162.541.825	15.125.727.326
Chi phí phải trả			419.545.024	224.953.229
			32.894.134.375	31.371.928.389

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và tương đương tiền	1.688.016.471	-	-	1.688.016.471
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.007.812.601	-	1.790.440.245	24.798.252.846
	24.695.829.072	-	1.790.440.245	26.486.269.317
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và tương đương tiền	259.287.553	-	-	259.287.553
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.684.823.586	-	1.455.728.341	24.140.551.927
	22.944.111.139	-	1.455.728.341	24.399.839.480

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	10.598.547.526	2.713.500.000	-	13.312.047.526
Phải trả người bán, phải trả khác	19.162.541.825	-	-	19.162.541.825
Chi phí phải trả	419.545.024	-	-	419.545.024
	30.180.634.375	2.713.500.000	-	32.894.134.375
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	11.683.947.834	4.337.300.000	-	16.021.247.834
Phải trả người bán, phải trả khác	15.125.727.326	-	-	15.125.727.326
Chi phí phải trả	224.953.229	-	-	224.953.229
	27.034.628.389	4.337.300.000	-	31.371.928.389

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	37.083.879.226	43.656.071.052

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	39.974.488.231	38.966.267.310

31 . THÔNG TIN KHÁC

Công ty đang hoạt động khai thác mỏ đá Châu Quang theo Giấy phép số 1116/QG-BTNMT ngày 31/08/2004 được cấp bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường, cấp phép cho Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế - cổ đông lớn của Công ty. Thời hạn khai thác từ ngày 31/08/2004 đến ngày 31/08/2034. Đây là tài sản Công ty nhận góp vốn từ cổ đông này. Đến thời điểm 31/12/2018, Giấy phép này chưa được chuyển tên quyền khai thác cho Công ty. Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển tên quyền khai thác mỏ đá này trong thời gian tới do các thủ tục khá phức tạp và mất nhiều thời gian.

Công ty ghi nhận phí cấp quyền khai thác hàng năm theo Thông báo của cơ quan thuế địa phương (Thông qua Tổng Công ty Hợp tác kinh tế) do Giấy phép khai thác khoáng sản không quy định tổng số tiền cấp quyền khai thác phải nộp của mỏ đá này.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động chủ yếu lĩnh vực chính là sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý:

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	126.135.668.000	18.450.344.825	144.586.012.825
Giá vốn hàng bán	73.737.261.926	8.613.751.184	82.351.013.110
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	<u>52.398.406.074</u>	<u>9.836.593.641</u>	<u>62.234.999.715</u>
Tổng chi phí mua TSCĐ			669.903.047
Tài sản bộ phận	21.490.487.287	1.113.133.025	22.603.620.312
Tài sản không phân bổ	-	-	63.350.179.813
Tổng tài sản	<u>21.490.487.287</u>	<u>1.113.133.025</u>	<u>85.953.800.125</u>
Nợ phải trả của các bộ phận	78.877.500	131.214.200	210.091.700
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	38.815.722.625
Tổng nợ phải trả	<u>78.877.500</u>	<u>131.214.200</u>	<u>39.025.814.325</u>

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	Cổ đông lớn		
Chi phí cấp quyền khai thác		459.884.004	150.882.000
Chi phí thuê xe và máy móc		2.090.000.004	2.089.999.995
Cổ tức được nhận		3.990.000.000	3.990.000.000
Các khoản khác		397.533.904	336.169.049

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả cho người bán		
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	696.666.668	443.333.331
Phải trả khác		
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	131.742.077	336.169.049

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	652.393.141	452.683.066
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	887.267.444	819.391.415

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố để phù hợp với số liệu so sánh năm nay:

	Mã số	Trình bày lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
Bảng Cân đối kế toán					
Thuế và các khoản phải nộp	313	3.485.128.430	619.986.418	2.865.142.012	(3)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	9.193.165.523	12.058.307.535	(2.865.142.012)	(3)
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh					
Giá vốn hàng bán	11	88.324.704.717	86.612.778.669	1.711.926.048	(1)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	577.693.313	663.289.615	(85.596.302)	(2)

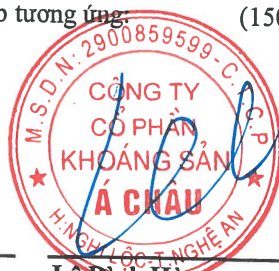
Cụ thể:

- (1): Điều chỉnh hồi tố thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ năm 2017.
- (2): Điều chỉnh thuế TNDN tương ứng của thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ năm 2017.
- (3): Bao gồm:
 - Điều chỉnh hồi tố thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ năm 2017: 1.711.926.048 VND
 - Điều chỉnh hồi tố thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ năm 2016: 1.304.012.912 VND
 - Điều chỉnh hồi tố thuế TNDN năm 2016 và năm 2017 phải nộp tương ứng: (150.796.948) VND


 Lưu Thị Thu
 Người lập biểu

Nghệ An, ngày 13 tháng 03 năm 2019


 Lưu Thị Thu
 Kế toán trưởng


 Lê Đình Hùng
 Giám đốc